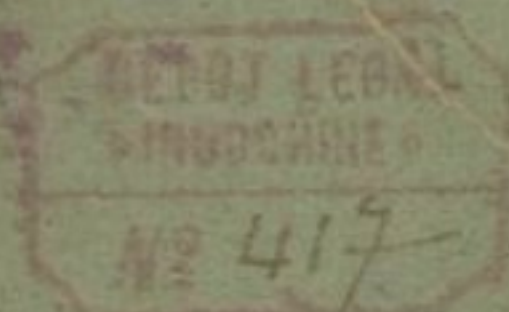


COURS

Professés aux secrétaires communaux

de la province de NINH - BINH

(OCTOBRE - DÉCEMBRE 1922.)



1. Notions sur l'Administration Générale de l'Indochine
par M. VŨ NHƯ TRẮC, *Commis indigène des Résidences*
2. Organisation Communale: (Arrêté du 12 Août 1921)
Election des Tổng Lý (Arrêté du 25 Juin 1921)
par M. PHAM VAN DINH, *Tri Huyện Stagiaire*
3. Modèles de Procès-verbaux concernant les affaires Communales
par M. PHAM DINH CHUONG, *Tri Huyện Stagiaire*
4. Le Budget Communal
par M. VŨ NHƯ TRẮC, *Commis indigène des Résidences*
5. Organisation Indigène
par M. THẦN VĂN QUẾ, *Tri Huyện Stagiaire*
6. Notions de Droit Réel
par M. NGUYỄN QUANG BIỆU, *Tri Huyện*
7. Principes d'Hygiène
par M. le Médecin auxiliaire HENRI MARCEL
8. Notions sur la police sanitaire des Animaux
par M. LHEUX, *Vétérinaire Inspecteur du Service des Epizooties*

PRIX: 0.35.

IMPRIMERIE THIÊN BÀN NINH BINH.

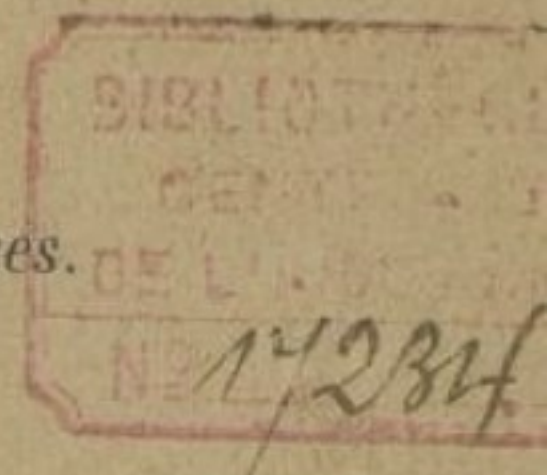
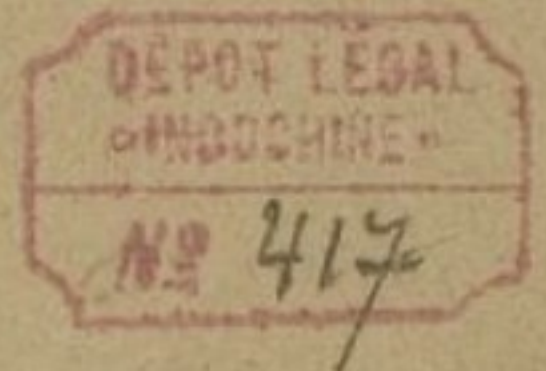
THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

M. 2832⁽¹²⁾

COURS

Professés aux secrétaires communaux

de la province de NINH - BINH
(OCTOBRE - DÉCEMBRE 1922.)



1. Notions sur l'Administration Générale de l'Indochine.
par M. VŨ NHƯ TRẮC, *Commis indigène des Résidences.*
2. Organisation Communale; (Arrêté du 12 Août 1921).
Election des Tổng Lý (Arrêté du 25 Juin 1922.)
par M. PHẠM VĂN ĐỊNH, *Tri Huyện Stagiaire.*
3. Modèles de Procès-verbaux concernant les affaires Communales.
par M. PHẠM QUÍ CHUÔNG, *Tri Huyện Stagiaire.*
4. Le Budget Communal.
par M. VŨ NHƯ TRẮC, *Commis Indigène des Résidences.*
5. Organisation Judiciaire.
par M. TRẦN VĂN QUẾ, *Tri Huyện Stagiaire.*
6. Notions de Droit Civil.
par M. NGUYỄN QUANG RIỆU, *Tri Huyện.*
7. Principes d'Hygiène.
par M. le Médecin Auxiliaire HENRI MARCEL.
8. Notions sur la police sanitaire des Animaux.
par M. LIEUX, *Vétérinaire Inspecteur du Service des Epi-
zooties.*

PRIX : 0 \$ 35.

IMPRIMERIE THIÊN BAN NINH BINH.

38

NOTIONS SOMMAIRES

Sur l'organisation administrative de l'Indo-Chine.

PLAN

PARTIE PRÉLIMINAIRE.

Indo Chine. — Pays dont elle se compose.

PARTIE UNIQUE.

Organisation administrative.

CHAPITRE I. ADMINISTRATION GÉNÉRALE.

L'Indochine est gouvernée par le Gouverneur Général assisté d'un Secrétaire Général du Gouvernement Général de l'Indochine.

CHAPITRE II. ADMINISTRATION LOCALE (du Tonkin seulement).

Le Résident Supérieur au Tonkin remplit outre les autres fonctions celles de Kinh-Luoc. — Il est assisté d'un Directeur des Bureaux et de plusieurs conseils (chambre consultative indigène).

CHAPITRE III. ADMINISTRATION PROVINCIALE.

Le Résident, chef de la province, est assisté :

I. *Des fonctionnaires suivants :*

- 1^o L'Administrateur Adjoint.
- 2^o Le Comptable.
- 3^o Le Percepteur.
- 4^o Le Conducteur des T. P.
- 5^o L'Inspecteur de la G. I.
- 6^o Le Commissaire de Police.
- 7^o Le Directeur des Écoles.
- 8^o Le Médecin.
- 9^o Le Vétérinaire.
- 10^o Le Receveur des Douanes.
- 11^o Le Receveur ou chargé des P. et T.
- 12^o D'un Administrateur - Délégué dans les grandes provinces.

II. *Et des assemblées suivantes :*

- 1^o Commission d'hygiène.
- 2^o Conseil provincial.

CHÍNH TRỊ ĐÔNG PHÁP.

Tổng Mào.

Cõi Đông-Pháp — Các xứ trong cõi Đông-Pháp.

PHÉP CHÍNH TRỊ.

- TRƯỞNG THỨ I. CHÍNH TRỊ TOÀN CỐI ĐÔNG-PHÁP.
Cõi Đông-Pháp trên có quan Toàn-Quyền cai trị, dưới có quan Phó-Toàn-Quyền giúp việc.
- TRƯỞNG THỨ II. CHÍNH TRỊ TỪNG XỨ MỘT. (Đây chỉ học xứ Bắc-Kỳ).
- Quan Thủ-Hiến. xứ Bắc-Kỳ là quan Thống-Sứ, ngài kiêm chức Kinh-Lược. Ngài có quan Phó-Thống-Sứ giúp việc và có nhiều Hội-Đồng bàn hỏi. (Đây chỉ học Hội-Đồng Tư-Vân-Nghị-Viên).
- TRƯỞNG THỨ III. CHÍNH TRỊ CÁC TỈNH.
- Quan đầu tỉnh là quan Chánh Công-Sứ, có những quan sau này giúp việc:
- 1° Quan Phó Công-Sứ.
 - 2° Viên Tham-Tá làm Kế-Toán.
 - 3° Quan Kho-Bạc.
 - 4° Quan Lục-Lộ.
 - 5° Quan Giám-Binh.
 - 6° Quan Cầm.
 - 7° Quan Đốc-Học.
 - 8° Quan Đốc-Tò chữa người.
 - 9° Quan Thú-Y.
 - 10° Quan Đoan.
 - 11° Quan Chủ Giấy-Thép.
 - 12° Tỉnh to có quan Đại-Lý.
- Ngoài các quan có 2 Hội-Đồng giúp việc :
- 1° Hội-Đồng Vệ-Sinh.
 - 2° Hội-Đồng Hội-Viên.

Trước khi học thể lệ nước Đại-Pháp cai trị nước ta, ta cần phải biết nước ta nay đặt tên là cõi *Đông-Pháp* 東法 trước gọi là Đông-Dương.

Cõi Đông-Pháp gồm 6 xứ :

- 1^o) Xứ Nam-Kỳ 南圻
- 2^o) Xứ Bắc-Kỳ 北圻 là xứ ta ở.
- 3^o) Xứ Trung-Kỳ 中圻
- 4^o) Xứ Cao-Miên 高棉
- 5^o) Xứ Ai-Lao 哀牢 tục gọi nước Lào.
- 6^o) Quang-Châu-Loan 廣洲 鸞

Nam-Kỳ là xứ *thuộc địa* 屬地 nghĩa là trong xứ ấy quyền cai trị thuộc hẳn các quan Đại-Pháp.

Bắc-Kỳ, Trung-Kỳ, Cao-Miên và Ai-Lao là xứ *bảo-hộ* 保護 nghĩa là trong các xứ này quyền cai trị vẫn ở tay vua và quan annam. Nước Đại-Pháp chỉ bảo hộ mà thôi. Ngoài Bắc ta trước có quan Kinh-Lược thay mặt vua; nay bãi Kinh-Lược quan Thống-Sứ kiêm chức ấy kể từ năm 1897.

Còn xứ Quảng-Châu-Loan là một xứ nước Trung-Hoa (nước Tàu) nhường cho nước Đại-Pháp cai trị, bởi vậy gọi là xứ *nhượng địa* 讓地

Trong các xứ lại chia ra từng tỉnh một. Ví dụ : xứ Bắc-Kỳ ta chia ra làm 21 tỉnh.

PHÉP CHÍNH TRỊ.

Nay ta đã biết cõi Đông-Pháp gồm 6 xứ, xứ chia ra tỉnh. Phép cai trị cũng theo cách phân cõi chia ra làm 3 bậc :

- 1^e) Chính-trị toàn cõi Đông-Pháp,
- 2^e) Chính-trị từng xứ một,
- 3^e) Chính-trị từng tỉnh một.

TRƯỞNG THỨ NHẤT.

Chính-trị toàn cõi Đông-Pháp.

Cõi Đông-Pháp ta trên hết có quan *Tổng-Thống-Đông-Pháp-Toàn-Quyền-Đại-Thần* 總統東法全權大臣 là vị quan

to nhất tất cả đứng đầu cai trị xuất 6 xứ. Trong công việc ngai làm thì có : quan *Phó Toàn Quyền* giúp đỡ và một hội đồng đề bản hỏi gọi là *Hội-Đồng-Chánh-Phủ*.

TRƯỞNG THỦ NHÌ.

Chánh-trị từng xứ một.

Mỗi một xứ có một quan thủ hiến cai trị. Đây chỉ học riêng xứ Bắc-Kỳ ta. Quan Thủ hiến xứ Bắc-Kỳ là quan *Thống-Sứ* 使統 dưới quyền quan Toàn-Quyền.

Quan Thống-Sứ ở Hanoi đứng đầu cai trị các tỉnh.

Quan Thống-Sứ có quan *Phó Thống-Sứ* giúp việc và có nhiều hội đồng đề bản hỏi công việc. Trong các hội đồng ta chỉ cần biết *Hội-Đồng-Tư-Vấn* (tức là những ông *Nghị-Viên* các tỉnh bầu) đề quan Thống-Sứ hỏi ý kiến về việc dự định số tiền chi tiêu các khoản công ích cho dân ta, ví dụ : mở trường học, lập nhà thương, v.v. Các Nghị-viên lại có thể xin quan Thống-Sứ làm thêm những việc ích lợi riêng cho tỉnh mình. Hội đồng ấy lệ thường mỗi năm họp một lần tại phủ Thống-Sứ.

TRƯỞNG THỦ BA.

Chánh-trị các tỉnh.

Xứ Bắc-Kỳ ta chia làm :

1e) 21 tỉnh : Ninh-Bình, Thái-Bình, Nam-Định, Hưng-Yên, Hải-Dương, Kiến-An, Quảng-Yên, Bắc-Ninh, Hà-Đông, Bắc-Giang, Sơn-Tây, Vĩnh-Yên, Lạng-Sơn, Phú-Thọ, Thái-Nguyên, Tuyên-Quang, Bắc-Kạn, Hoà-Bình, Yên-Bay, Lao-Kay, Sơn-La.

2e) 2 Đại-Lý : Hà-Nam và Phúc-Yên.

3e) 4 Đạo Quan-Binh : Môn-Cay, Cao-Bằng, Hà-Giang và Lai-Châu.

4e) 2 Thành-Phố : Hà-Nội và Hải-Phòng.

Ở các tỉnh trên hết có quan CHÁNH CÔNG-SỨ trông nom soi xét các việc cho dân được yên ổn làm ăn. Các quan Công-Sứ thuộc quyền quan Thống-Sứ. Dưới quan Chánh Công-Sứ có những quan sau này giúp việc :

1^o QUAN PHÓ-SỨ giúp việc quan Chánh và quyền thay trong khi quan Chánh đi vắng hoặc bị yếu mệt. Ngoài việc cai trị quan Phó-Sứ lại thay mặt quan Chánh xét các việc án, ngài sung chức *Chánh toà án đệ nhị cấp*.

2^o MỘT VIÊN THAM-TÁ. Coi phòng kế toán (Cối kê phòng 會計房 Comptabilité), trông nom việc chi tiêu cho khỏi chội tiền, làm giấy phát ngân (măng-đa), giấy thu ngân, làm sổ thuế, đăng bạ, đánh môn bài, v. v.

3^o QUAN KHO BẠC thu nhận sưu thuế của dân nộp và dả tiền tiêu việc công nhà nước. Ví dụ : dả lương các quan tây nam, dả lương hưu trí, dả tiền cho các người thầu trưng việc Nhà nước v. v... Ai muốn đến Kho bạc lĩnh tiền phải có đủ giấy má chứng chỉ rằng : Nhà nước nợ mình thì quan Kho mới phát. Ví dụ : Một người thợ mộc bán bàn ghế cho Nhà nước, người thợ ấy phải làm giấy đệ toà khai bán bao nhiêu bàn ghế, mỗi cái bao nhiêu tiền, rồi phòng cối-kê làm giấy phát ngân (măng-đa) quan Chánh ký. Có măng-đa ấy mới sang Kho-Bạc lĩnh tiền. Nhưng ta không nên hiểu nhầm măng-đa nhà nước với măng-đa giấy thép. Măng-đa giấy thép là tiền tư của mình gửi lẫn cho nhau, vậy phải đến nhà giấy thép mà lĩnh. Nói tóm lại quan Kho-Bạc là một ông quan giữ tiền công khố, chỉ chi thu những tiền công ích : thu thuế, phát lương, v. v...

4^o QUAN LỤC-LỘ coi việc làm cầu, cống, đê, đường, tu bổ các dinh thự trong tỉnh.

5^o QUAN GIÁM-BINH coi việc binh lính: cai quản lính khố-xanh, lính cơ và lính đông ở trên thượng du. Dưới quan Giám có *quan Đồn* thuộc quyền, như tỉnh ta có quan Đồn Nho-Quan. Ngoài việc binh lính quan Đồn Nho-Quan kiêm việc kiểm lâm, khám soát môn bài ở hạt Nho-Quan.

6^o QUAN CẦM coi việc tuần phòng trong thành phố cho được yên ổn khỏi trộm cắp; việc vệ sinh chung, bắt các nhà phải quét dọn cống ngõ đường xá cho sạch sẽ; khám soát môn bài; thu thuế thuyền bè. Ngoài các việc ấy quan Cầm lại kiêm việc *dữ trại khám* và làm *thừa phát lại* cho các toà án tây: thu tiền phạt, tịch biên đa sản những người có nợ không chịu trả, v. v.

7^o QUAN ĐỐC-HỌC coi việc học hành ở trường tỉnh và các trường nhà quê.

8° QUAN ĐỐC-TỜ chữa người, trông coi nhà thương, khám bệnh cho thuốc và đi kinh lý trong làng tỉnh diễn thuyết cho nhân dân am hiểu phép vệ sinh dữ gìn cho được mạnh khỏe.

9° QUAN THANH-CHA THÚ Y đây gọi là *Ba-Bò* (ở tỉnh nhỏ có viên Thú y annam) chữa súc vật, khám thịt. Trong khi có dịch trâu bò, nếu dịch phát trong tỉnh mình thì quan Thú-Y phải thân hành đến chỗ có dịch, khám xét cho thuốc và giữ gìn để bệnh khỏi lan ra; nếu có dịch ở tỉnh bên cạnh thì phải tìm cách ngăn cấm cho bệnh khỏi lây vào tỉnh mình.

10° SỞ THƯƠNG CHÁNH có quan Chánh Đoan và viên Phó đoan coi việc thu thuế bán rượu, thuốc phiện, thuốc lá, muối và đi khám soát trong tỉnh bắt những kẻ bán hoặc nấu lậu rượu và thuốc phiện.

11° SỞ ĐIỆN-BÁO có quan Chủ giấy thép trông nom việc gửi tiền, đồ hàng, thơ từ, công văn công báo, bán tem, đánh giấy thép v. v.

12° QUAN ĐẠI-LÝ. Những tỉnh nào to quan chánh Công-Sứ không trông nom suề công việc thì đặt đại-lý (như tỉnh Nam Định có đại-lý Hanam) có quan đại-lý thay mặt quan chánh cai trị. Các quan đại-lý phải thuộc quyền quan Chánh Sứ. Tỉnh ta trước có đại-lý Nhỏ Quan và đại-lý Phát Diệm.

13° CÁC HỘI-ĐỒNG. Ngoài các quan giúp việc quan chánh Công-Sứ đã kể ở trên, các tỉnh lại đặt 2 hội-đồng để quan Chánh bàn hỏi công việc:

A. HỘI ĐỒNG VỆ SINH. Có quan Chánh Sứ làm chủ tọa, các ông tây đồn điền, kỹ hảo xạ, và quan Đốc Tờ làm hội viên. Hội-đồng này mục đích để xem xét các việc can hệ đến vệ sinh chung như là đi khám soát trường học, nhà thương xem có được sạch sẽ không, và trong khi có bệnh thời khí phải tìm các phòng bị cho bệnh khỏi lây.

B. HỘI ĐỒNG HỘI VIÊN là những ông hội-viên thường niên họp hội đồng một lần vào khoảng đầu tháng 5 tây để quan Chánh Sứ hỏi ý kiến trước khi làm sổ thuế và bàn hỏi để dự định xin số tiền chi tiêu sang năm về các việc công ích cho hàng tỉnh, như xin tiền mở thêm trường học, lập thêm nhà thương, v. v.

Khi nào muốn đổi tên một phủ, huyện, tổng, xã, hoặc sát nhập một huyện nào, xã nào vào một huyện khác, xã khác, cũng là

những khi muốn làm đê đường, thì quan Chánh Sứ cũng họp hội-đồng các Hội-viên để hỏi ý nghĩ.

Các đạo quan binh như Móng-Cái thì có *quan binh* (quan ba hoặc quan tư) quản đạo, không có đặt quan Công-Sứ.

Còn 2 thành phố to Hanoi và Haiphong thì có quan *Đốc-Lý* cai trị.

TRÁC

TỔ CHỨC HƯƠNG HỘI

Nước ta từ xưa công việc trong làng phần nhiều ở tay mấy người kỳ mục, chứ không có quyền của công dân, khi có việc công chỉ những người kỳ mục bàn miệng vuốt nhau, không có sổ sách gì, thì tuy có bàn, nhưng việc không có ai là người giữ cái trách nhiệm ấy, vì thế hoá có những người kỳ mục không có bụng công bằng, nhân trong việc đó mà những tệ, như cái nhà gỗ có con mọt cứ nghiêng giần, sau cái nhà ấy cũng có phần đến mục nát. Vả lại cứ theo thói cũ bày ra ăn uống, nhiều sự sa phí vô ích, mà trong dân thì không có công bản gì cả, đã không có công bản thì lấy vào đâu mà sửa sang các công việc trong làng cho chỉnh đốn được. Bây giờ dân ta nên trông lối văn minh, phàm các thói cũ, điều nào phải thì ta theo, điều nào tệ thì ta đổi, làm cho chóng bước lên con đường tiến hoá, tự khi nhà nước bảo hộ, phàm những học giới, công giới, nông giới, thương giới đã mở mang cho dân ta được lên chốn vũ đài, mà bây giờ cái đuốc văn minh lại soi đến phong tục chốn hương thôn, thì cần phải cải lương hương chính mới chóng tiến hoá được. Vì vậy nghị định quan Thống-Sứ tổ chức việc hương-hội, đặt ra các chức dịch, chánh hương hội để chủ quyền trông nom các việc, phó hương hội để đúp đỡ, thư ký để biên sổ sách, thủ quỹ để giữ tiền công, và các tộc biểu thay mặt trong họ mình mà bàn các việc, vả lại giựng ra sổ tục lệ, và sổ chi thu; có tiền gì thì biên vào sổ thu, có tiêu gì thì biên vào sổ chi, như thế thì việc cải lương trong dân có chuẩn thẳng trật tự,

tức là cái đường tiến hoá của nước ta đó, mong rằng những các viên làm chánh hương hội là một người tiêu biểu trong dân, nên đem lòng công bằng sửa sang cho dân được tiến ích, mà những phó hương hội, cùng những người làm tộc biểu, cũng nên một lòng trù nghĩ với chánh-hương hội, người thủ-quĩ phải hết lòng cẩn thận giữ gìn, người sung chức thư ký phải trông nom biên ghi sổ sách, và phải biết nghị cải lương, cùng các nghị bầu tổng lý, các luật lệ mới, các thể cách biên bản, các việc điều phải học cho biết, để hết cái trách nhiệm của mình, và đủ cái chức phận của mình để trước khối phụ bưng của nhà nước khai hoá, sau mở mang cho dân mình được thịnh lợi, chóng bước lên văn minh, mà được chen vai đứng với các nước trên hoàn cầu, cũng bởi từ tổ chức hương hội mà gây ra đấy.

Hương-hội.

Các làng cải lương do hương-hội quản-trị.

Hương-hội thì có những người sau này:

Chánh-hương-hội,

Phó-hương-hội,

Thư-ký,

Thủ-quĩ.

Tộc-biểu.

Hương hội lại lấy thêm người lý-trưởng đương thứ người phó lý đương thứ (nếu có nhiều người phó-lý đương thứ thì lấy tất cả) hay là lấy người trưởng-tuần đương thứ phụ vào hội đồng để bàn định.

Lý-trưởng, phó-lý, trưởng-tuần không được làm thủ-quĩ hay là thư-ký vì chức phận ba viên ấy đã nặng, ít khi có thì giờ rồi mà kiêm việc ấy.

Chánh-hương-hội. — Viên chánh-hương-hội thì phải là người đứng dân, có danh vọng không có tai tiếng gì trong hàng xã. Sự bầu cử chánh-hương-hội thì trong nghị định không nói, nhưng thường thì chọn trong ban tộc-biểu bầu lên mà đơn bầu phải có chữ các tộc-biểu ký kết rồi đệ lên quan Chánh-Công-Sứ duyệt y.

Viên chánh-hương-hội là trưởng hội và lại là đầu chức dịch và các công vụ hàng xã.

Viên ấy trông nom trật tự trong khi hội đồng để cho thi hành các nghị định của hội đồng.

Viên ấy phải trách nhiệm đến việc thu thuế cùng việc cho chi tiêu và việc giả tiền chi tiêu trong hàng xã, viên ấy lại phải thay mặt cả hương-hội trong khi đi hầu kiện hoặc xã là nguyên hay là bị cáo.

Phó-hương-hội.—Viên phó-hương-hội cũng phải là người đứng đầu mấy được, nếu là người có danh vọng thì hơn. Viên phó-hương-hội giúp viên chánh-hương-hội trong tất cả các công việc của viên ấy, còn sự bầu cử thì cũng như bầu chánh-hương-hội.

Thư-Ký.—Viên thư-ký thì chọn trong ban tộc-biểu ra hoặc trong ban không ai làm được thì cũng có thể chọn người ngoài ban nhưng phải là người biết chữ thông thái mới được.

Viên ấy coi việc dựng biên bản các kỳ hội đồng của hương-hội cũng giữ các sổ sách của xã giao cho. Cấp cho người ấy lương tháng cũng được, mà tiền lương cấp sẽ tùy công bản của làng.

Thủ-Quỹ.—Viên chủ-quỹ chọn trong ban tộc-biểu bầu ra, nên trong ban không có ai làm được thì chọn người ngoài ban cũng được, nhưng phải là người vật lực đủ bảo lìn cho dân, có am hiểu chữ nghĩa và đứng đắn. Viên ấy coi việc giữ quỹ có các công ngân của xã.

Các công việc của viên ấy do chánh-hương-hội kiểm sát hay là do một viên kiểm sát của hương-hội cử ra, cho người ấy tiền cấp cũng được, nhưng phải tùy theo công bản của làng.

Tộc-Biểu. Các viên tộc-biểu hạn số là 4 viên giở lên và 20 viên giở xuống.

Những người được bầu làm tộc-biểu.—Chỉ những đàn ông tuổi từ 25 giở lên có tài sản ở trong làng mà xưa nay chưa bao giờ phạm vào một lỗi nào làm mất quyền công dân kể trong điều 29 luật hình Annam thì mới được bầu cử làm tộc-biểu.

Những người được đi bầu tộc-biểu.—Những người đàn ông tuổi từ 18 giở lên mà xưa nay chưa bao giờ phạm vào một lỗi làm mất quyền công dân kể trong hình luật Aannam điều thứ 29 khoản thứ nhất và khoản thứ năm thì mới được đi bầu tộc-biểu.

Cách bầu cử tộc-biểu.—Trong mỗi xã cứ mỗi số trăm người dự bầu thì bầu 4 người tộc-biểu, nếu quá số trăm người mà chưa đầy trăm cũng bầu thêm bốn người nữa; ví dụ :

Có 100 người đi bầu thì bầu 4 tộc-biểu.

Có 175 ,, đo ,, 8 tộc-biểu.

Lấy số tổng cộng các người đi bầu mà chia mấy số tộc-biểu đã định như thế thì biết rằng mỗi phái phải bao nhiêu người được bầu một tộc-biểu, mỗi họ hay là mỗi giáp có bao nhiêu số chia ấy thì phải bầu bấy nhiêu tộc-biểu.

Khi những họ hay là những giáp có ít người không đủ số chia ấy, thì những họ hay là những giáp họp lại mấy nhau mà bầu.

Nếu số tộc-biểu bầu như thế mà kém cái số tộc-biểu mà xã được phép bầu theo như số tổng cộng người dự bầu thì cứ chiều cái số chia trước mỗi họ mỗi giáp còn thừa bao nhiêu hay là mỗi phái mấy họ mấy giáp còn thừa bao nhiêu thì họ nào phái nào hay là giáp nào còn thừa bao nhiêu hơn thì bầu trước rồi cứ xuống dần đến họ nào phái nào giáp nào còn thừa ít hơn thì bầu sau.

Cách bầu cử tộc-biểu là khó hiểu hơn cho nên phải dẫn ra mấy thí dụ để hiểu biết mà tuân theo.

Thí dụ thứ nhất.— Như một làng có 67 người đều 18 tuổi trở lên (từ 18 tuổi trở lên đến già bao nhiêu tuổi cũng kể cả không có hạn định nào) mà quân làm 3 họ: một họ 18 người, một họ 21 người, một họ 28 người.

Cứ theo nhân số làng ấy được 4 tộc-biểu. Lấy số 67 là dân số trong hàng xã mà chia ra làm 4 thì cứ 15 người thành một phái cử một người tộc-biểu. Như vậy thì cái họ 18 người cũng chỉ kể là một phái 15 người mà thôi được cử một người tộc-biểu thế là nhân số họ ấy có lẽ 3 người.

Rồi đến cái họ 21 người cũng lại chỉ kể được làm một phái 15 người mà thôi mà cũng chỉ được bầu cử một người tộc-biểu, thế là nhân số họ ấy có lẽ 6 người.

Sau đến họ 28 người thì cũng chỉ được cử một người tộc-biểu nhân số trong họ còn dư 13 người.

Trong 3 họ ấy mới có 3 người tộc-biểu. Còn thiếu một người tộc-biểu nữa mới đủ 4 thì cái họ mà nhân số còn lẽ nhiều hơn được cử, tức là cái họ 28 người.

Thí dụ thứ hai.— Một làng được 255 người có quyền đi tuyển cử mà quân ra 7 họ:

họ thứ nhất 11 người đi cử
họ thứ nhì 17 người đi cử
họ thứ ba 23 người đi cử
họ thứ tư 31 người đi cử

họ thứ năm 49 người đi cử

họ thứ sáu 53 người đi cử

họ thứ bảy 71 người đi cử

Cứ theo nguyên lý trong tân nghị thì xã ấy được cử 12 tộc-biểu (vì nhân số trấn hai trăm lại thêm một phần trăm thì tính thành 3 lần số 4). Lấy nhân số các họ tổng cộng lại rồi chia ra làm 12 thì được 21 là đặc số nghĩa là cử 21 người bầu một người tộc-biểu. Như thế thì họ 11 người mà đem chia ra làm 21 thì 0 tộc-biểu, còn dư lại 11 người.

Như thế thì họ 17 người mà đem chia ra làm 21 thì 0 tộc-biểu còn dư lại 17 người.

Như thế thì họ 23 người mà đem chia cho làm 21 thì được một tộc-biểu còn dư lại 2 người.

Như thế thì họ 31 người mà đem chia ra làm 21 thì được một tộc-biểu còn dư lại 10 người.

Như thế thì họ 49 người mà đem chia ra làm 21 thì được 2 người tộc-biểu còn dư được 7 người.

Như thế thì họ 53 người mà đem chia ra làm 21 thì được 2 tộc-biểu còn dư lại 11 người.

Như thế thì họ 71 người mà đem chia ra làm 21 thì được 3 người tộc-biểu còn dư lại 8 người.

Hai họ nhân số bất cập cái đặc số 21 thì cho nhập làm một thành 28 người được cử một tộc-biểu.

Như thế thì các phái trấn mới cử tất cả được 10 tộc-biểu còn thiếu hai tộc-biểu nữa, thì cho hai họ còn dư nhân số nhiều hơn cả được cử tức là họ 53 người mà còn dư 11 và cái họ 31 người còn dư 10 người.

Như phỏng mà đem hai họ ít người ấy mà nhập mỗi họ vào một họ nào đấy cho nhiều nhân số họ ấy ra cũng được. Cho nên khoản ấy rộng cho các họ tùy đường thân thích mà nhập lại mấy nhau.

Thi dụ thứ ba. — Một làng có 633 người đi cử nhân số làng ấy được cử 20 tộc-biểu.

Đem số 633 chia cho 20 thì thành mỗi phái trấn 31 người được cử một người tộc-biểu. Còn thiếu mấy tộc-biểu cho đủ số 20 thì lấy những họ nhân số bất cập 31 mà nhập lại cho đủ số mà tuyển cử. Rồi còn thiếu mấy tộc-biểu nữa thì xem những họ nào nhân số

đem chia cho 31 mà còn dư nhiều người thì cho các họ ấy cử.

Khi trong làng mà còn một giáp riêng thì cho giáp ấy cũng được cử đại biểu như một họ cử tộc biểu. (1)

Tộc-biểu được bầu bao nhiêu lâu. Được bầu ba năm, xong ba năm lại bầu lại. Nhưng tộc biểu cũ lại có thể ra ứng cử nữa. Trong hạn ba năm ấy mà thiếu tộc biểu, hoặc vì từ dịch, hoặc vì cách dịch, hoặc vì mất một thì hương hội bầu một người tộc biểu khác ở trong họ trong giáp hay là phái mà khuyết người tộc biểu ấy rồi trình lên quan Công-Sứ duyệt ý.

Việc khiếu nại về sự bầu cử. — Các việc khiếu nại về sự bầu cử tộc biểu thì trong xã tự xử lấy mấy nhau, nếu không xong thì đệ lên quan sở tại, nếu mà cũng không được thỏa thuận nữa thì lên kêu quan Công-Sứ. Quan Công-Sứ hỏi ý kiến quan tỉnh tức là quan Tổng-Đốc hay là quan Tuần-Phủ rồi xét nghĩ, nhờ quan Công-Sứ xét nghĩ là nhất định.

Danh sách các tộc biểu. — Danh sách các tộc biểu thì do quan Công-Sứ hỏi ý kiến quan tỉnh mà duyệt ý, rồi giao lại cho lý trưởng. Lý trưởng phải đệ một bản lên nha phủ hay là nha huyện, khi điền khuyết thế nào thì lý trưởng phải kê cho đúng.

Sự vụ các tộc biểu. — Khi chánh phó hương hội cùng mắc bận thì người tộc biểu nào làm lâu nhất phải coi việc phát hành các công vụ trong làng xã tùy tục làng lấy người tộc biểu cao hàm hơn cả thay chánh phó hương hội trong khi ấy thì người cao hàm nhất thay chánh phó hương hội. Lại cử hai viên hội đề cùng mấy lý trưởng mà thi hành những sự tịch biên và bán các tài sản của những người can án. Ngoài các việc riêng ấy, hai viên ấy cũng phải làm các việc khác mà hương hội giao cho.

Tiền lộ phí cấp cho tộc biểu. — Trừ những khi nào có nghị định riêng trái với điều này thì không kể, còn thì khi các viên hương hội mà quan trên đòi thì tiền lộ phí do hàng xã chịu. Tiền lộ phí ấy theo cái phái giá tính về đường đi từ làng đến nơi quan đòi xa gần thế nào phái giá ấy có quan Công-Sứ duyệt ý.

Các công việc của hương hội. — Các công việc của hương hội có thể chia ra làm 3 hạng: về chính trị, về lý tài, về tạp tụng.

Công việc của hương hội về chính trị. — Hương hội phải coi tất cả việc cai trị trong xã phải làm các công vụ của dân xã cùng thi hành trát sức lệnh truyền của quan trên hương hội cũng có thể

làm những khoản lệ trong dân được cùng thi hành khoản lệ việc tuần phòng nhất là ngăn cấm việc buôn bán lậu, việc đánh bạc và những sự họp tập trái phép.

Công việc của hương hội về lý tài. — Hương hội lập sổ chi thu hàng xã định số thuế của xã, thi hành sổ chi thu hàng xã, quản trị tài sản công dân.

Công việc của hương hội về tập tụng. — Các khoản thừa kiện về việc hộ hay là việc thương mại thì do hương hội xử nghĩ; nếu trong tục lệ định rằng phải giao cho mấy viên cử riêng về việc xử nghĩ ấy thì phải giao cho các viên ấy. Nếu đôi bên được thoả thuận thì phải dựng biên bản rồi thì biên bản phải nộp lên quan sở tại để ghi vào sổ hoà giải.

Hương hội có thể cử một ban có hai ba viên tộc bieu để giao cho quyền bắt phạt các điều can phạm vào khoản lệ tuần phòng của trong xã mà phạt từ 0\$10 giở lên cho đến 1,00 là cùng, nhưng các điều phạm ấy là điều không thuộc về các khoản mà chiếu theo điều 227 hình luật Annam phải giao cho toà án xét nghĩ.

Kỳ họp hội đồng hương hội. — Tùy theo công việc của dân nhiều ít hay can hệ thế nào, hương hội muốn họp mấy kỳ cũng được. Song trong tháng mười tây phải họp một kỳ hay luôn nhiều kỳ để lập sổ chi thu và trong thượng tuần tháng giêng tây phải họp một kỳ để lập sổ sưu thuế và các thức thuế thu vào cho dân xã. Trong khi có việc khẩn hương hội cũng được họp kỳ hội đồng bất thường hay là khi có quá một nửa hội viên xin mấy viên chánh hương hội họp kỳ hội đồng bất thường thì hương hội cũng được họp.

Các kỳ hội đồng cho cả công chúng vào xem.

Các chánh phó tổng được quyền dự vào hội đồng các xã thuộc về tổng mình. Nhưng người dự xem hội đồng không được quyền nói và làm náo động mà khi phạm vào những điều ấy thì phải trục xuất ra ngoài phòng hội đồng.

Viên thư ký được dự hội đồng nhưng không được bàn định gì chứ ra khi nào hội đồng có hỏi đến.

Viên chánh-hương-hội phải giữ cho hội đồng có trật tự. Trong khi hội đồng mà trục xuất một viên hương-hội ra ngoài là do ở phần nhiều các hội-viên có mặt tại hội đồng định, mà không đồng ý thời không trục xuất nữa.

Nhời bàn của hội đồng.—Nhời bàn của hội đồng nếu có phần nhiều quá nửa hội-viên dự hội đồng mới có giá trị phải rưng biên bản các nhời bàn của hội đồng, biên bản phải ghi vào trong một quyển sổ riêng và phải có các viên hội có mặt tại hội đồng ký tên.

Nghị định của hội đồng phải có phần nhiều các viên hội dự hội đồng ưng thuận.

Cứ lẽ thì việc ưng thuận phải để cho công chúng đều được biết cả, nếu mà bản không đồng ý mà bằng số người nhau thì việc ấy lại hoãn lại đến kỳ hội đồng sau mà nếu kỳ sau lại không đồng ý nữa cũng lại đồng số người nhau thì viên chánh-hương-hội thuộc về bên nào bên ấy được.

Việc ưng thuận thì bắt đầu từ tộc biểu họ nào ít người nhất được nói trước rồi cứ giở lên dần dần đến họ to nhất nói sau cùng.

Khi nào có thể bãi được các nghị - định của hương - hội. Các nghị định của hương-hội trái với lợi quyền của nhà nước hay là của hàng xã thì quan Công-Sứ có thể bãi đi được trong khi ấy thì quan Công-Sứ có thể không cho hương - hội họp hội đồng nữa hay là bãi hẳn hương-hội.

Việc nào can thiệp đến hàng xã thì một viên hương-hội hay là nhiều viên hương-hội không được bàn định riêng; việc ấy phải tư cho các viên hương-hội đều biết rồi mới lập hội-đồng bàn định được.

Kỷ quan của hương - hội.— Khi hương hội có mời đến hội-đồng mà viên tộc-biểu nào không vì nhẽ gì đích đáng mà không đến dự hội đồng luôn hai kỳ thì hương-hội sẽ nghị định không cho làm tộc-biểu nữa.

Viên tộc-biểu nào mà phạm lỗi về việc chính trị, hoặc làm việc trễ nải, hay là xét ra không đủ tư cách làm việc hoặc thất lễ mấy các viên hương-hội; các viên này trình quan Công-Sứ, ngài sẽ hỏi ý khiến quan tỉnh mà định cách trừng trị, hoặc khiển trách, hoặc cách dịch. Viên tộc-biểu nào mà phải cách dịch hay là phải án phạt giam thì không được dự vào hương-hội nữa.

Viên tộc-biểu nào mà bị giấy toà án sức bắt thì phải tạm huyền chức.

Khi xem chừng rằng quyền lợi của hàng xã phải thiệt hại vì hương-hội làm việc không được cẩn thận, hay là trễ nải, hay là cai trị không được hoàn hảo thì quan Công Sứ có thể bãi hương-hội đi được; hương-hội có thể kêu quan Thống-Sứ xét lại mà nghị định quan Thống-Sứ là nhất định.

Sự vụ của Lý Trưởng.

Lý-trưởng riêng là người môi giới cho chính phủ mấy hàng xã. Lý trưởng phải giữ triện, giữ các công văn địa bộ các sổ thuế của làng và các lệnh truyền của Chính Phủ. Tất cả các sổ sách giấy má phải ghi vào trong một quyển sổ, sổ ấy khi lý trưởng cũ cùng lý trưởng mới bàn giao công việc thì phải ký tên vào. Nếu người lý trưởng cũ mạnh một thì người lý trưởng mới phải ký nhận cùng hai người làm chứng là người trông họ người lý trưởng cũ và hai người làm chứng lấy trong các viên hương hội.

Lý trưởng phải coi riêng về việc thu thuế của nhà nước, cùng việc nộp sổ thuế ấy lên kho bạc. Sổ thuế ấy cả xã phải trách đến lý trưởng phải thi hành các luật lệ các nghị định của nhà nước cùng việc làm các giấy má quan trên sức làm và chứng nhận các đơn từ.

Lý trưởng phải truy tầm các trọng tội và khinh tội, phải coi việc tuần phòng ở trong xã việc vệ sinh chung và coi phó lý làm việc.

Lý trưởng phải coi các đường bộ, đường thủy, đường sắt, cầu, đường giầy thép, điện báo, đường giầy nôi, trừ ra làng cử một người riêng coi về việc ấy thì lý trưởng mới không làm việc ấy.

Lương của lý trưởng thì tùy tục của hàng xã cấp cho bao nhiêu, nhưng phải phát bằng sổ bạc, ngoài lương ấy lý trưởng lại được lĩnh tiền lộ phí.

Lý trưởng nhân thực chữ ký cho không, không được đòi tiền nong gì sất.

Sự vụ của Phó-Lý.

Người phó lý hay là tùy tục làng mà lấy người trưởng tuần hay là xã tuần v. v. thì người này phải tổ chức việc tuần phòng ngoài đồng áng và việc đường xá của thôn nào hay là xóm nào đã cử ra. Riêng việc đường xá có thể cử riêng một người thủ lộ.

Người phó-lý hay là tùy tục làng là người trưởng-tuần thì có các tuần tráng của làng dưới quyền mình người ấy phải coi việc thi hành các lệnh truyền về việc tuần phòng và việc trông nom trong làng.

Nghị định về việc bầu cử tổng-lý. Chiều theo nghị định ngày 25 Juin năm 1922 thì việc bầu cử các tổng lý định rõ như sau này:

Chánh-tổng.

Việc bầu cử. Những người sau này thì được ứng tuyển:

- 1^o Các phó tổng đương thứ.
- 2^o Chánh phó tổng đã được từ dịch.
- 3^o Các lý trưởng đương thứ mà làm việc đã được hai năm giở lên.
- 4^o Các lý trưởng đã từ dịch mà trước đã làm việc được một hạn ba năm.
- 5^o Các chánh phó hương hội đương thứ làm việc đã được hai năm giở lên.
- 6^o Các cựu chánh phó hương hội trước đã làm việc được trong ba năm rồi mà không tái cử hay là đã từ dịch.
- 7^o Những viên tổng sự tại các ty các nhà thuộc về Nam chính đã được 10 năm mà hiện đã hồi hưu hoặc đã từ chức.

Khi nào phó tổng đương thứ đã làm việc được sáu năm hay là đã được ân thưởng vì đã làm được những việc đặc biệt thì được thôi bổ chánh tổng.

Các người ứng tuyển chánh tổng phải có cơ nghiệp gia tài ở trong tổng đáng độ 500\$ trở lên và phải hợp các lệ sau này:

- 1^o Tuổi từ 30 giở lên và 50 giở xuống.
- 2^o Đã nhập tịch trong một xã ở trong tổng đã được 5 năm rồi mà ở tại đấy.
- 3^o Có danh tiếng tốt và thường xưa nay đối với chính phủ Đại Pháp vẫn trung thành.
- 4^o Khi ứng tuyển phải tỏ rằng biết thông chữ quốc ngữ.

Các hạng người kể sau này được bầu các người ứng cử chánh tổng:

- 1^o Các chánh tổng từ dịch.
- 2^o Các phó tổng đương thứ hay là từ dịch.
- 3^o Các lý trưởng và phó lý đương thứ hay là từ dịch.
- 4^o Các chánh phó hương hội đương thứ cùng các thư ký thủ quỹ đương thứ.
- 5^o Các nghị viên Bắc Kỳ các hội viên hào mục đương thứ cùng các nghị viên và hội viên cũ có tên trong bộ ở trong tổng.

Khi bầu cử thì quan đại diện của quan Công-Sứ chủ tọa hội đồng bầu cử, lại có quan phủ huyện sở tại và hai người nhiều tuổi nhất lấy ở trong các người dự bầu.

Bầu theo cách đầu phiếu kín.

Bỏ phiếu thì chính người dự bầu phải bỏ phiếu lấy không được nhờ người nào bỏ thay cho mình hay là gửi thư lại bỏ phiếu cũng không được.

Đầu phiếu trong hai giờ.

Các nhà bầu phiếu phải trình thẻ tùy thân hay là giấy căn cước. Nếu không có thẻ ấy đã lập ra hay là giấy căn cước ấy thời không được đầu phiếu.

Đúng hạn thời mở hòm phiếu tức thời.

Bầu xong thời làm tờ biên bản ngay lập tức có quan hội trưởng hội đồng bầu cử và quan phủ huyện bản hạt ký tên và liệt danh cả hai người làm thị thực.

Tờ biên bản thời đệ trình quan Công-Sứ bản tỉnh ngay.

Người được bỏ ấy được gọi là chánh tổng cử cho làm chánh tổng là cấp cho cái bằng và cái triện.

Bằng cấp sẽ có chữ quốc ngữ và chữ nho làm bằng giấy rộng khổ theo kiểu mẫu của quan Thống-Sứ chỉ định.

Trong bằng cấp có chữ ký có ấn tín của quan tỉnh và quan Công-Sứ. Bằng cấp sẽ giao cho chánh tổng cùng với cái triện chánh tổng làm việc được ba năm thì được thưởng hàm tòng cử phẩm văn giai. Người chánh tổng nào trước đã có làm phó tổng được ba năm rồi thì chỉ có một năm rưỡi cũng có thể được thụ hàm. Về sau hạn thì cứ ba năm một lại có thể được thăng thưởng. Sự thăng thưởng ấy là đặc cách chứ không phải lẽ thường mà cũng chỉ được thăng thưởng đến hàm chánh thất là cùng. Hoặc vì công cán đặc biệt quan Công-Sứ cùng với quan tỉnh có quyền được xin thưởng hàm cho chánh tổng mà không phải xét người ấy có đủ niên hạn hay không; song khi nào có sự công cán như vậy thì phải tự công cán vào bằng sắc.

Từ-dịch. Những chánh tổng nếu muốn từ dịch thì phải đã làm việc được ba năm rồi mới được, trừ ra khi nào có bệnh tật nặng có chứng chỉ quan thầy thuốc thì không kể.

Chánh tổng từ dịch thì do quan Công-Sứ chuẩn ưng sau khi đã hỏi ý kiến quan tỉnh.

Trừng trị. Những cách trừng trị hàng chánh tổng là: khiển trách, bãi dịch và cách dịch.

Quan Công Sứ sau khi đã hỏi ý kiến quan tỉnh thì có quyền

hoặc khiển trách hoặc bãi dịch chánh tổng có lỗi, còn việc cách dịch thì do quan Thống-Sứ nghị định sau khi đã có ý kiến quan Công-Sứ.

Chánh tổng nào làm việc chưa đủ ba năm mà phải bãi dịch thì cái bằng chánh tổng phải thu tiêu. Nếu đã làm việc được ba năm rồi mà bị bãi dịch, thì trong bằng cấp chánh tổng phải phê chữ bãi dịch rồi lại giả lại cho người ấy giữ lấy. Nếu phải cách dịch thì bằng cấp phải thu tiêu, nếu người ấy đã có phẩm hàm thì phẩm hàm ấy sẽ phải giáng cấp hay là bằng sắc phải thu tiêu.

Về điều này quan Thống-Sứ chiều tờ tư quan Công-Sứ mà nghị định. Nếu chánh tổng can án về khinh tội mà phải phạt giam không được huyền án thì cũng phải cách dịch.

Những chánh tổng công nợ bị giam thâu không có thể ứng hành công vụ, nếu đã làm việc đã trọn được ba năm thì được coi như là từ dịch; nếu chưa đủ ba năm thì phải bãi dịch.

Điền khuyết. — Cứ lệ thì người chánh tổng từ dịch cứ làm việc mà cứ giữ lấy triện cho đến khi bổ người chánh tổng khác thay.

Trong khi phải bệnh nặng phải bãi dịch, cách dịch hay là quan Công-Sứ định không cho người chánh tổng từ dịch cứ làm việc thì việc chánh tổng giao cho người phó tổng đương thứ nào làm việc lâu niên nhất làm, nếu không có phó tổng thì quan Công-Sứ hỏi ý kiến quan tỉnh rồi cử một người lý trưởng nào và giao làm việc chánh tổng.

Trong khi ấy bất cứ vì lẽ gì, ngay khi khuyết, cái triện phải đệ nộp ở quan sở tại rồi quan sở tại đệ đính bầm lên quan Công-Sứ.

Phó-Tổng.

Việc bầu cử. — Những hạng người sau này được ứng cử:

- 1° Những phó tổng được từ dịch.
- 2° Những lý trưởng đương thứ trong hạt đã làm việc được một năm giở lên, hay là lý trưởng từ dịch mà khi trước đã làm việc được trọn ba năm.
- 3° Những phó lý đương thứ đã làm việc được trọn ba năm hoặc trong khi làm việc đã được thưởng công, hay là phó lý cựu đã từ dịch sau khi đã làm việc được ba năm giở lên.
- 4° Những chánh phó hương hội đương làm việc mà đã được một năm giở lên.

5° Những chánh phó hương hội cựu đã làm việc được đủ ba năm mà không bầu lại hay là từ dịch.

6° Những viên tổng sự các ty các nha thuộc về Nam chính đã về hưu trí hay là đã từ dịch sau khi làm việc quan được ngoài 5 năm.

Những người ra ứng cử phó tổng phải có trong hạt tổng mình bất động sản đáng giá là 300\$ giở lên và lại còn phải hợp các lệ như sau này :

1° Đã đến tuổi 25 giở lên và 50 giở lại.

2° Đã có tên trong đình bạ của một làng trong hạt tổng trước 5 năm và vẫn ở tại đấy.

3° Có danh tiếng tốt và thường xưa nay đối với chính phủ Đại Pháp vẫn trung thành.

4° Khi ứng cử phải tỏ rằng biết thông chữ quốc ngữ.

Những người được đệ tên lên trên quan Công-Sứ ngài tuyển cử cho làm phó tổng đều do công cử bởi những hạng người có quyền bảo cử chánh tổng; trong hạng người này chỉ thêm có một chánh tổng đương thứ nữa mà thôi.

Cử cho làm phó tổng và cấp cho một cái bằng.

Thăng thưởng. — Phó tổng làm việc được 5 năm thì được hàm tòng cửu phẩm văn giai.

Về sau ân thưởng cho thăng hàm đến hàm chánh bát phẩm thì thôi, cứ bốn năm thăng một kỳ.

Nếu có làm được việc đặc cách thì quan Công-Sứ hỏi ý kiến quan tỉnh mà đặc cách tư xin cho thăng hàm không cần phải đủ niên lệ, công cán phải ghi vào trong bằng.

Phó tổng khi bầu đã có phẩm hàm rồi thì phải làm đúng lệ 5 năm mới được thăng hàm.

Từ dịch. — Phó tổng phải làm việc được ba năm mới được từ dịch, trừ ra khi có bệnh mà có giấy nhận thực của quan thầy thuốc cho thì cho từ dịch không phải đúng niên hạn.

Quan Công-Sứ hỏi ý kiến quan tỉnh rồi cho từ dịch.

Trừng trị. — Cách trừng trị các phó tổng là khiển trách, bãi dịch và cách dịch. Quan Công-Sứ hỏi ý kiến quan tỉnh rồi trừng trị.

Nếu phó tổng nào mà phải bãi dịch trước cái hạn ba năm thì bằng phó tổng phải thu tiêu. Sau cái hạn ba năm thì sự giải dịch phải ghi vào trong bằng cấp rồi lại giao giả lại.

Nếu phó tổng nào mà phải cách dịch thì bằng cấp phải thu tiêu, đến như phẩm hàm thì hoặc giáng cấp hoặc thu tiêu bằng sắc. Điều này thì quan Thống-Sứ sẽ định tùy theo lời tư của quan Công-Sứ.

Những phó tổng can án về khinh tội mà phải phạt giam không được huyền án thì cũng phải cách dịch.

Những phó tổng vì công nợ phải giam thâu không có thể ứng hành công vụ, nếu người ấy đã làm việc được đủ hạn ba năm thì được kê là từ dịch, nếu chưa đủ hạn ba năm thì phải bãi dịch.

Diễn khuyết. Cứ lẽ thường thì phó tổng từ dịch vẫn phải giữ việc phó tổng mãi cho đến khi có người thay rồi mới thôi. Song hoặc vì phó tổng đau nặng mà từ dịch, hoặc bị bãi dịch hay là cách dịch hay là sau khi đã hỏi ý kiến quan tỉnh, mà quan Công-Sứ đã định cất người quyền thì việc phó tổng ấy sẽ giao cho chánh tổng hay là một phó tổng khác, nếu trong tổng ấy có nhiều phó tổng.

Lý Trưởng.

Bầu cử.— Những lý trưởng thì thường do sự bầu cử mà chọn trong những người đã xét có những tư cách sau này:

- 1° Được 25 tuổi giở lên và 50 tuổi giở xuống.
- 2° Có tiếng là người phẩm hạnh tốt và xưa nay thường vẫn có lòng trung thành với Nhà-nước-bảo-hộ.
- 3° Có vật lực đủ để làm bảo chứng xứng đáng với các việc chức phận phải quản cố trong làng tùy theo làng to làng nhỏ.
- 4° Có chứng rõ ràng rằng đã thông hiểu quốc ngữ.

Khi nào ở làng có phó lý đương thứ làm việc đã được 6 năm mà lại có khuyết lý trưởng thì sau khi đã hỏi ý kiến quan tỉnh, quan Công-Sứ đầu tỉnh có thể đặc cách cho phó lý ấy làm lý trưởng. Những lý trưởng thì do một hội đồng bầu cử công cử mà hội đồng bầu cử ấy thì có :

- 1° Những người có chân hương hội đương thứ kể cả thủ quỹ và thư ký, nếu hai viên chức ấy có tên trong sổ bộ của làng.
- 2° Những nghị viên tân cựu thuộc Bắc-Kỳ-tư-vấn nghị viên và các tân cựu hội viên hàng tỉnh mà có tên trong sổ bộ của làng.

3° Những cựu tong lý và các viên chức đương thứ có tên trong sổ bộ của làng mà có bằng cấp.

4° Người đương làm trưởng tuần ở làng (Xã-đoàn).

Hãy tạm thời, thí ở những làng nào đến lúc nghị định này đã thi hành mà hương hội theo nghị định ngày 12. Aoút năm 1924 (thuộc về tổ chức hương hội) chưa thành lập thời lý trưởng các làng ấy hễ có khuyết thì do quan Công-Sứ sau khi đã hỏi ý kiến quan tỉnh sẽ chọn những người ra ứng cử và cho làm lý trưởng.

Đoạn thứ nhất.— Khi nào khuyết lý trưởng thì quan Công-Sứ có giấy báo cáo. Khi nhận được giấy báo cáo ấy, chánh hương hội phải lập danh sách những người có quyền đi bầu cử rồi hạn trong 5 ngày phải niêm yết những danh sách ấy ở đình và ở những nơi nào trong làng năng có nhiều người đi lại; lệ niêm yết ấy hạn yết trong 15 ngày.

Một bản danh sách ấy chánh hương hội phải đệ lên quan huyện hay là quan phủ sở tại để cũng niêm yết. Quan sở tại sẽ chấp các đơn khiếu nại cho hết hạn niêm yết trong 15 ngày; quá hạn ấy thì không nhận đơn nữa. Trong tám ngày sau quan sở tại sẽ thăm sát các đơn ấy rồi nghĩ xử mọi sự thế nào đều niêm yết cùng một nơi với danh sách ấy nhờ xử nghĩ cùng danh sách phải đệ bằ lên quan tỉnh. Quan tỉnh nhận được trong hạn 5 ngày rồi lại đệ sang quan Công-Sứ. Những người có đơn khiếu nại mà thuận thụ như lời định của quan sở tại thì thôi, bằng như không thể thì được phép kháng cáo mà đơn kháng cáo phải đệ lên quan Công-Sứ trong hạn tám ngày kể từ hôm bắt đầu niêm yết. Sau khi đã hỏi ý kiến quan tỉnh rồi thì quan Công-Sứ trong hạn tám ngày là cùng sẽ quyết định.

Đoạn thứ hai.— Trong hạn tám ngày kể từ hôm có giấy báo cáo khuyết lý trưởng thì ai muốn ra ứng cử phải đầu đơn lên quan sở tại. Quan Huyện hay là quan Phủ phải cho yết tên những người có đơn ứng cử ấy cùng một chỗ niêm yết danh sách các người có quyền bầu cử cùng nhận đơn khiếu nại; rồi 20 ngày sau hạn niêm yết sẽ đệ các đơn ứng cử lên quan Công-sứ và trình bày ý kiến của mình về từng người ứng cử, xem có hợp lệ. Quan Phủ hay là quan Huyện cũng phải chuyển đệ cùng với ý kiến riêng của mình, những đơn khiếu nại về những người đã ứng cử. Sau khi đã chuyển đệ lên quan Công-Sứ như thế rồi thì không nhận đơn khiếu nại nữa.

Đoạn thứ ba. — Các số người ra ứng cử không có hạn định mà những người ứng cử cũng được quyền đầu phiếu công cử, nếu thật mình đã có tên trong danh sách những người bầu cử.

Danh sách những người được phép ứng cử do quan Công-Sứ sau khi đã hỏi ý kiến quan tỉnh sẽ xét nghĩ rồi nhời nghị định không ai được khiêu nại nữa.

Danh sách này sẽ chuyển giao về quan Phủ, Huyện cùng với danh sách những người có quyền bầu cử có chữ duyệt ý của quan Công-Sứ. Hai quyển danh sách này viết bằng chữ nho và bằng chữ quốc-ngữ phải niêm yết ở những nơi đã chỉ định và ở cửa sổ quan Công-Sứ. Trong tám ngày sau hôm đã nhận được những danh sách ấy ở Phủ hay là ở Huyện thì sẽ họp để công cử.

Đoạn thứ tư.—Hội công cử thì họp trong một buổi phải xong. Nơi công cử sẽ thiết lập tại đình làng hay là ở nơi công sở khác có thể tiện cho công chúng cũng được.

Hội đồng công cử thì chánh tổng làm chủ tọa mà dự hội đồng thì có chánh hương hội và một người có quyền bầu cử có tuổi hơn hết. Nếu quan Công-Sứ xét nên phải ngài làm chủ tọa hay quan Tây quan Annam đến thay ngày thì ngài định lấy. Chánh hương hội và người có quyền bầu cử có tuổi hơn hết được dự hội đồng giúp ông chủ tọa và cùng ký biên bản với ông chủ tọa.

Bầu theo cách đầu phiếu kín. Bỏ phiếu thì chính người dự bầu bỏ lấy không được nhờ người nào bỏ thay cho mình, hay là gửi thư lại bỏ phiếu cũng không được.

Lúc công cử phải có mặt hai phần chia ba cái số những người có quyền bầu cử mới được.

Người nào trong những người ứng cử được nhiều phiếu hơn hết thì sẽ được hội đồng tuyên bổ ngay cho là có thể được làm lý trưởng. Nhưng mà cái số phiếu nhiều hơn hết ấy phải thắng bán cái toàn số những người đều phiếu mới được. Nếu không ai được đúng cái số thắng bán ấy thì cách sau một giờ hội đồng lại cho công cử ngay một lần thứ hai nữa.

Lần này hễ ai được nhiều số hơn là được tuyên bổ rằng có thể làm được lý trưởng.

Nếu hai người được số phiếu ngang nhau thì người nào có tuổi hơn được; nếu hai người tuổi cũng ngang nhau thì sẽ bắt thăm mà chỉ định.

Điều thứ năm.—Khi công cử xong thì Hội đồng phải lập biên bản liền ngay rồi đệ lên quan sở tại. Quan sở tại trong năm ngày kể từ hôm công cử phải chuyển đệ biên bản ấy lên quan Công-Sứ cùng với ý kiến của mình bao nhiêu những phiếu bầu đều cũng phải dính theo biên bản. Lúc nào sau khi đã hỏi ý kiến quan tỉnh rồi quan Công-Sứ duyệt y biên bản ấy thì việc bầu cử ấy mới thật là hoàn toàn.

Những đơn khiếu nại mà chỉ được khiếu nại về những sự không hợp lệ xảy ra về việc công cử hay là trong lúc công cử thôi những đơn khiếu nại ấy phải nộp tại toà-Sứ trong một hạn mười ngày kể từ hôm công cử. Sau khi hỏi ý kiến quan tỉnh, quan Công-Sứ sẽ nghĩ xử mà lời ngài nghị định ấy là cùng tận thì không được khiếu nại nữa. Quá hạn 10 ngày thì quan Công-Sứ cho người trúng tuyển làm lý trưởng.

Cử cho làm lý trưởng là cấp cho một cái bằng và một cái triện. Cái bằng ấy làm bằng chữ quốc ngữ và chữ nho mà làm bằng giấy khổ thường theo kiểu mẫu quan Thống-Sứ định. Quan Công-Sứ cùng quan tỉnh ký tên và đóng ấn vào cái bằng ấy rồi quan tỉnh giao cái bằng ấy cùng cái triện ấy cho người lý trưởng mới.

Thăng thưởng.

Đoạn thứ nhất.—Lý trưởng làm việc được 6 năm có thể được hàm tòng cửu phẩm văn giai. Làm việc được 4 năm nữa thì có thể được hàm chánh cửu phẩm văn giai. Rồi sau có thể được ân thưởng đến chánh bát phẩm là cùng, nhưng các việc ân thưởng ấy là có do làm được việc gì đặc biệt mới được.

Đoạn thứ nhì.—Các lý trưởng khi bầu đã có phẩm hàm rồi thì cứ giữ hàm ấy có làm được việc gì đặc biệt thì mới được thăng hàm hay là xin đổi hàm bá hộ sang hàm văn giai. Khi ấy thì công cán phải ghi vào trong bằng. Nếu không có việc gì đặc biệt thì cứ phải làm việc đủ niên lệ 6 năm thì mới được xin thăng hàm, hay là cải hàm.

Từ dịch. Lý trưởng làm việc được 3 năm thì mới được xin từ dịch trừ khi phải ốm nặng mà quan xét cho là thật ốm thì mới được từ dịch trước. Quan Công-Sứ hỏi ý kiến quan tỉnh rồi cho từ dịch.

Trừng trị. Cách trừng trị lý trưởng là khiển trách, bãi dịch và cách dịch.

Quan Công-Sứ hỏi ý kiến quan tỉnh rồi trừng trị. Bãi dịch trước khi làm việc được 3 năm thì có thể thu bằng lý trưởng và tiêu hủy ngay. Bãi dịch sau khi đã làm việc được 3 năm thì cứ cho giữ bằng nhưng trong bằng phải ghi rằng bãi dịch.

Cách dịch thì phải thu bằng và tiêu hủy ngay cách dịch có lẽ phải giáng phẩm hàm hay là mất phẩm hàm. Quan Thống-Sứ chiều theo quan Công-Sứ tư mà nghị định.

Lý trưởng can án về khinh tội mà phải phạt giam không được huyền án thì phải cách dịch. Lý trưởng nào vì công nợ phải giam thâu không có thể ứng hành công vụ, nếu người ấy đã làm được đủ hạn 3 năm thì được kể là từ dịch, nếu chưa được đủ hạn 3 năm thì phải bãi dịch.

Điền khuyết. Cứ lệ thường thì người lý trưởng từ dịch cứ làm việc cứ giữ triện cho đến khi cử người lý trưởng khác thay.

Khi phải ốm nặng, phải bãi dịch cách dịch hay là quan Công-Sứ đầu tỉnh không cho làm nữa thì việc lý trưởng tạm giao cho người phó lý nào lâu năm nhất ấy là khi có nhiều phó lý ở trong làng, nếu không có phó lý thì giao cho một người tộc biểu do quan sơ tại cử lên. Trong các khi ấy thì ngay lúc khuyết lý trưởng phải nộp triện ở quan sở tại. Quan sở tại đệ lên quan Công-Sứ.

Phó lý.

Phó lý cũng bầu theo lệ như lý trưởng.

Hãy tạm thời thí ở những làng nào đến lúc nghị định này đã thi hành mà hương hội theo nghị định ngày 12 Août 1921 chưa thành lập thì phó lý các làng ấy do quan Công-Sứ sau khi đã hỏi ý kiến quan tỉnh sẽ chọn trong những người ra ứng cử và cho làm phó lý.

Quan Công-Sứ hỏi ý kiến quan tỉnh mà tùy theo việc làng nhiều ít mà cho mỗi xã bầu bao nhiêu phó lý. Nhưng mà khi xã có nhiều thôn cách nhau thì lý trưởng và các phó lý phải ở riêng thôn.

Các hạng người có chân dự bầu phó lý cũng là các hạng người có chân dự bầu lý trưởng.

Cử cho làm phó lý là cấp cho một cái bằng; cái bằng ấy làm thế

nào và giao cho người phó lý thế nào cũng theo lệ định về việc bằng lý trưởng.

Các điều lệ về việc lý trưởng từ dịch và điền khuyết lý trưởng cùng các cách trừng trị lý trưởng cũng thi hành cho phó lý.

ĐỊNH

MODELES DE PROCÈS VERBAUX

concernant les affaires communales.

CÁC MẪU BIÊN BẢN

- 1 Biên Bản bầu Chánh phó hương hội, thư ký, thủ quỹ.
- 2 » bầu Chánh hương hội.
- 3 » bầu Tộc biểu.
- 4 » bầu Lý trưởng.
- 5 » bổ Sưu thuế.
- 6 » bắt Rượu lậu.
- 7 » đấu giá đợ Ruộng công.
- 8 » Hoà giải.
- 9 » dịch Trâu bò.
- 10 » phạt Vi cảnh.
- 11 » khám Chết đuối.
- 12 » khám đừa Chết đường.
- 13 » khám Mất trộm.
- 14 » phạt Bạc.

BIÊN BẢN BẦU CHÁNH PHÓ HƯƠNG HỘI, THƯ KÝ, VÀ THỦ QUỸ.

Làng.....le.....1923

Chúng tôi là Tộc biểu làng.....lập biên bản bầu chánh
phó Hương hội, Thư ký, Thủ quỹ, như sau này :

Thừa nghị định cải lương đã hội bầu Tộc biểu được.....

người thừa bầm Toà tỉnh duyệt y, nay Hội đồng chọn người trong Tộc biểu tên A là chức....., tên B là chức....., đều là người hạnh kiểm thuần cần đứng dẫn đầu đủ tư cách làm tiêu biểu cho Hội đồng. Vậy thuận bầu tên A làm Chánh hương hội, tên B làm phó hương hội, lại chọn được tên C là người thông thái biết chữ quốc ngữ và chữ nho, tên Đ là người vật lực đủ bảo tìn cho Hội đồng. Vậy bầu tên C làm Thư ký, tên Đ làm Thủ quỹ, các tộc biểu đều đã thuận tình ký kết ở sau này.

Nay lập biên bản.

BIÊN BẢN BẦU CHÁNH HƯƠNG HỘI.

Làng.....le.....1923

Chúng tôi là Tộc biểu làng.....lập biên bản bầu chánh Hương hội như sau này :

Thừa chiều trong ban Hội đồng tộc biểu được.....người, nay có hai người trong ban Tộc biểu là tên A và tên B đều tình nguyện làm chánh Hương hội, xem hai viên hạnh kiểm đứng dẫn thông thái, trong Hội đồng chọn hai người nhiều tuổi làm chứng, chiều theo nghị định đầu phiếu trong hòm kín từ.....giờ đầu phiếu đến.....giờ xong mở phiếu xem tên A được.....phiếu, tên B được.....phiếu, thì tên A được nhiều phiếu hơn, theo nghị định được làm chánh Hương hội, khi ấy hội đồng tộc biểu thoả thuận, không ai khiếu nại nhẽ gì.

Nay lập biên bản.

Hội đồng tộc biểu ký tên ở sau.

BIÊN BẢN BẦU TỘC BIỂU.

Làng.....le.....1923

Chúng tôi là Tiên thứ chỉ, kỳ lý, nhân đình ở làng.....lập biên bản bầu Tộc biểu như sau này :

Thừa nghị định cải lương hội bầu Tộc biểu hiện trong làng có 6 họ, số người cộng 200 xuất, chiều lệ được bầu 8 người Tộc biểu: Họ Nguyễn có 50 xuất, được bầu hai người, họ Trần 70 xuất, được

bầu 2 người thừa ra 20 xuất, họ Đinh 30 xuất được bầu 1 người, còn thừa ra 5 xuất, số người thừa về họ Trần và họ Đinh hợp lại được 25 xuất, được bầu 1 người nữa, họ Lê 18 xuất, họ Hoàng 12 xuất, họ Lý 20 xuất, số người họ Lê, họ Hoàng, họ Lý, cộng được 50 xuất được bầu 2 người.

Khi hội đồng bầu hiện có đủ mặt mọi người dân đình đều thoả thuận bầu, không ai khiếu nại gì.

Vậy kê tên tuổi những người được làm Tộc biểu ở sau này :

Nay lập biên bản.

Kê :

Tộc biểu họ Nguyễn hai người:

Nguyễn văn ans.

Nguyễn văn ans.

Tộc biểu họ Trần hai người :

Trần văn ans.

Trần văn ans.

Tộc biểu họ Đinh một người :

Đinh văn ans.

Tộc biểu họ Trần, họ Đinh chung nhau thêm một người.

Là tên ans.

Tộc biểu họ Lê, họ Hoàng, họ Lý chung nhau bầu hai người.

Là tên ans.

tên ans.

BIÊN BẢN BẦU LÝ TRƯỞNG.

Bảo-hộ Bắc-kỳ.

Tỉnh Ninh-Bình.

Biên bản bầu lý trưởng làng

Năm ngày tháng hồi giờ.

Chiều theo nghị định ngày 25 Juin 1922, điều thứ 30 nói về việc bầu cử tổng lý.

Tôi là Chánh tổng tổng ấy đến đình làng ấy cùng chánh phó Hương hội, các tộc biểu và những người có quyền được đi bầu hội đồng công cử một người lý trưởng để thay cho tên..... từ dịch.

Chiều nghị định thì những người được đi bầu cử và người tình nguyện đã theo lệ niêm yết, nay hết hạn không ai khiếu nại gì, hôm nay công cử.

Số người được dự bầu là..... người.

Số người hiện đến đầu phiếu là..... người.

Số người tình nguyện là..... người.

Theo nghị đầu phiếu kín tự..... giờ đến..... giờ xong thì mở hòm phiếu ra, thì mọi người đều được vào xem cả.

Tên A được..... phiếu.

Tên B được..... phiếu.

Nay tên A được thắng phiếu thì theo nghị được làm lý trưởng, nhưng còn phải đợi quan Công-Sứ duyệt ý. Nay lập biên bản.

BIÊN BẢN BỔ SƯU THUẾ.

Le..... 1922.

Chánh hương hội..... phó hương hội.....
lý trưởng..... cùng các tộc biểu và phó lý làm biên bản bổ sưu thuế vụ..... như sau này:

Thừa chiều bài chỉ làng ta đình..... suất, điền..... mẫu
hạng nhất..... mẫu, hạng nhì..... mẫu, hạng ba..... mẫu,
thổ..... mẫu, tiền thuế cộng \$00 đình phải nạp tiền ngoại
phụ \$00, điền phải nạp tiền ngoại phụ thị độ tạp phí \$00.

Nay dân chiều tính đình mỗi xuất mỗi su phải nạp công sưu
\$00 và tiền phụ ngân \$00 cộng ngân \$00,
điền ba hạng tính đồng làm một hạng bổ mỗi mẫu phải nộp \$00,
thổ mỗi mẫu phải nộp \$00, giao lý trưởng thu phải biên lai
bằng giấy rằng چرا, ruộng mấy mẫu, tiền thuế bao nhiêu, đình mỗi
xuất bao nhiêu, thổ mỗi mẫu bao nhiêu phải biên cho rõ ràng, tờ
biên bản này phải sao ra nhiều bản để niêm yết chỗ đông người,
hoặc ở đình cho mọi người ai ai đều biết.

Nay lập biên bản, hương hội, lý, phó trương đều ký.

BIÊN BẢN BỔ SƯU THUẾ.

Làng _____ le _____ 1923

Chúng tôi là chánh phó hương hội và các tộc biểu, lý phó trưởng làng _____ tổng _____ huyện _____ làm biên bản bổ sưu thuế như sau này :

Chiều theo bài chỉ năm 1923 và các giấy Qui Toà kê các hạng thuế ngoại phụ thì làng tôi các hạng thuế là:

Đinh 100 xuất mỗi xuất	2 \$ 50	=	250 \$ 00	}	300 \$ 00
Tiền ngoại phụ mỗi xuất ước	0 \$ 50	=	50 \$ 00		
Ruộng hạng nhất 80 mẫu mỗi mẫu	1 \$ 50	=	120 \$ 00	}	Ruộng, đất cộng 344 mẫu. Tiền thuế cộng 351 \$ 60
Ruộng hạng nhì 100 mẫu mỗi mẫu	1 \$ 10	=	110 \$ 00		
Ruộng hạng ba 110 mẫu mỗi mẫu	0 \$ 80	=	88 \$ 00		
Đất hạng nhất 10 mẫu mỗi mẫu	2 \$ 00	=	20 \$ 00		
Đất hạng nhì 15 mẫu mỗi mẫu	0 \$ 50	=	7 \$ 50		
Đất hạng ba 16 mẫu mỗi mẫu	0 \$ 30	=	4 \$ 80		
Đất hạng tư 13 mẫu mỗi mẫu	0 \$ 10	=	1 \$ 30		

« Ruộng, đất hạng 1, 2, 3, mỗi mẫu phải chịu tiền thị độ tạp phí là 0 \$ 15 xu ba l. Đất hạng tư mỗi mẫu 0 \$ 05. »

Ruộng, đất, 344 mẫu phải chịu tiền thị độ tạp phí, thành là : 51 \$ 29.

Thuế ruộng đất 351 \$ 60 thì mỗi trăm phần phải nộp 10 phần nữa, thành là : 35 \$ 10.

Cộng các hạng thuế là : 737 \$ 90.

Nay Hội đồng bổ đinh mỗi xuất phần thu 3 \$ 00 ($100 \times 3 = 300$ \$) còn như điền thổ các hạng thì xưa nay trong làng không có sổ kê từng chỗ của người nào vào hạng nào, nếu theo từng hạng bổ thu thì linh tính khó thu lắm. Vậy Hội đồng thuận tình san bổ cứ ruộng đất mỗi mẫu san thu 1 \$ 27, 5 ly. ($344^m \times 1 \$ 275 = 438 \$ 60$).

So với ngạch thuế nhà nước thì còn thừa ra 0 \$ 11.

Những người nào phần thu đình sưu ruộng, đất bao nhiêu kê sau này giao các tộc biểu chiều trong biên bản đã bỏ mà thu số thuế trong họ mình, hạn đến ngày. phải giao đủ cho lý trưởng đem lên kho bạc nộp, nếu người họ nào thiếu thì tộc biểu họ ấy phải chịu lấy trách nhiệm.

Nay lập biên bản.

BIÊN BẢN BẮT RƯỢU LẬU.

Làng le 1923

Chúng tôi là chánh phó hương hội làng Tổng
Huyện làm biên bản bắt rượu lậu như sau này :

Chiều tục lệ điều thứ 59 và 60.

Nay thám được trong làng có tên A không tuân cấm lệnh nấu rượu lậu, hồi 6 giờ sáng chúng tôi đến khám ở trong nhà tên ấy, bắt được hai vò cơm rượu ước kí lô, và 6 lít rượu nước, khám bắt hiện có lân bảng tên B tên C làm chứng, mà tên A cũng đã thú nhận. Vậy giải nhân tang lên huyện trình nộp.

Nay lập biên bản.

BIÊN BẢN ĐẤU GIÁ ĐỢ RUỘNG CÔNG.

Làng le 1923

Hương hội làng làm biên bản đấu giá đợ ruộng công như sau này :

Chiều tục lệ làng ta có mẫu ruộng để đấu giá bỏ vào công quỹ nay gần kỳ cày cấy đã yết thị 10 hôm trước rồi, ngày hôm nay mở hội đồng đấu giá, có tên A tên B xin đấu giá. Khi đấu giá thì tên A đấu giá cao hơn, trong hội đồng thuận cả đề đợ cho tên A nhận ruộng ấy cày cấy hết vụ, thì ruộng lại giả dân, số tiền đấu giá \$00 hiện đã nộp đủ. Thư ký biên vào sổ thu, thủ quỹ biên nhận đề vào công quỹ. Tờ biên bản này phải viết thêm một bản ký kết giao cho người thuê ruộng để làm bằng cứ.

Nay lập biên bản.

BIÊN BẢN HOÀ GIẢI.

Làng le 1923
Làng Hương hội lập biên bản hoà giải việc thi
thừa chồng là tình phụ như sau này :

Cứ thi đến hội đồng trình rằng: mấy tháng nay chồng nó
ở mấy người vợ hai bỏ mẹ con nó, không trông nom gì đến nó,
không có gì nuôi con nó được. Hỏi người chồng tên trình
rằng: nó không dám bỏ thi chỉ vì vợ cả vợ lẽ ghét nhau
mà đi thừa, trong hội đồng đã đem nhờ tình nghĩa vợ chồng và
gia đạo giáo dục khuyên bảo hai bên, thì hai bên cũng đã biết nghe
xin hoà giải, tự giờ về sau hoà thuận ăn ở mấy nhau, không dám
khiếu nại gì nữa.

Vậy đệ biên bản trình quan sở tại trước vào sổ hoà giải.

Nay lập biên bản

BIÊN BẢN TRÁU BÒ PHẢI BỆNH DỊCH TỄ.

Làng le 1923
Chúng tôi là hương hội lý phổ trưởng làng tổng huyện
tỉnh làm biên bản trấu bò phải bệnh dịch như sau này:

Nay cứ tên A ở xóm B tường rằng: nhà tên ấy có một con trâu
bị bệnh, hương hội đến nơi xem, thì con phải bệnh thực.

Giao lý trưởng lập tức trình quan đề xin quan thầy thuốc về
chữa, và bắt buộc riêng ra chỗ khuất mà nuôi chữa, vì nó chết thì
phải đem ra xa giếng chôn sâu ba thước tây, đổ vôi bột vào đấy, và
rắc vôi vào chỗ buộc trâu, mà đốt những cỏ của nó ăn còn lại, bảo
phiên phu trông nom truyền bảo cả trong làng biết rằng: cái xóm
ấy nhà ấy có trâu dịch chết, thì nhà nào có trâu bò phải chăn giắt
cho cẩn thận, không được giắt đi qua lại gần xóm ấy để khỏi truyền
nhiều.

Nay lập biên bản.

BIÊN BẢN PHẠT VI CẢNH.

Làng le 1923
Hương hội làng tổng huyện làm biên bản phạt vi cảnh
như sau này:

Nay cứ tuần phu tên A đến tường rằng: cái giếng ở đầu làng
thấy tên B đem dác dưới bờ ở trên bờ giếng nó bảo không nghe;
hội đồng đến nơi xem thấy có dác bản bờ ở đầu bờ giếng thực;
hỏi tên B nói rằng con có quét dác đem đồ, nó không biết; nay hội
đồng xét nó có đồ dác bản ra bờ giếng thực, và cái giếng ấy cả
làng ăn nước là vệ sinh quan hệ cho cả làng đã cắt phiên phu trông
coi mà tên B không biết bảo con thiện tiện đem đồ dác bản ra bờ
giếng như thế, nghĩ nên đáng phạt. Nghĩ chiều tục lệ đều thứ 34
phạt tên B 0\$50 sung vào công quỹ để dẫn kẻ khác.

Nay lập biên bản.

BIÊN BẢN KHÁM CON TÊN A CHẾT ĐUỐI.

Làng le 1923

Hương hội lập biên bản khám con tên A chết đuối như sau này:

Hồi 2 giờ chiều cứ tên A tường rằng: sáng hôm nay vợ chồng
nó ra đồng làm ruộng có đưa con gái tuổi, ở nhà. Khi 12 giờ
nó về gọi con nó không thấy, nó đi tìm thấy quần áo con nó để
trên bờ ao, không thấy con nó, nó xuống ao mò, thấy con nó chết
ở dưới ao, nó kêu hàng xóm đến đem lên chữa, nhưng chết đã lâu
không chữa được, cứ trình hương hội và lý trưởng đến khám thì
thấy đưa con gái tuổi người nhợt, bụng to, chân tay có bủn,
hỏi người hàng xóm là tên B nói y như nhời tên A tường và xem
cái ao ấy cũng sần nước, con bé ra tắm đến nổi chết đuối thực,
cũng không có tình tiết gì khác, nhưng sự quan nhân mạng đề
biên bản trình quan sở tại khám xét.

Nay lập biên bản.

BIÊN BẢN KHÁM ĐỨA CHẾT ĐƯỜNG.

Làng le 1923

Hương hội lập biên bản khám đưa chết đường như sau này :

Cứ trưng tuần trình rằng: sáng hôm nay nó đi tuần đến cái quán đường đầu làng thấy trong quán có một đứa đòn bà chết.

Hội đồng cùng lý phó trưởng đến nơi khám thấy một cái thầy người đòn bà ước tuổi, quần áo rách rưới sắc sanh người gầy còm, một nửa miếng chiếu bên mình có cái bị và cái nôi đất, khám không thương tích gì, xét ra người này vẫn đi ăn mày, nó ốm ra quán nằm rồi chết, chứ không có tình tiết gì, nhưng sự quan nhân mạng lập biên bản giao lý trưởng trình quan khám xét rồi sẽ sức phiên phu chôn.

Nay lập biên bản

BIÊN BẢN KHÁM MẮT TRỘM.

Le 1923.

Làng Chánh phó hương hội và lý trưởng làm biên bản việc nhà tên A mất trộm như sau này:

Hồi giờ sáng hôm nay cứ tên A đến tường rằng: giờ đêm nó nghe thấy tiếng động nó dậy nó thấy cửa mở, nó soi đèn thấy đã mất đồ vật; bấy giờ nó có kêu lên thì người hàng xóm cùng mấy nó đi tìm xét, nhưng quân trộm thoát chạy rồi, mà đồ vật nhà nó mất nôi đồng cái, áo cái; Hương hội cùng lý trưởng đến khám thì thấy nhà nó có một chỗ lủi mới bẻ và cửa có lốt cạy, xét nó có mất trộm thực, vì nhà nó ngủ, hoá kẻ trộm vào lấy mấy cái đồ vật nhỏ nhất. Việc này giao trưng tuần phải đi dò thám có được tang vật thì trình quan nghĩ trị, ví không dò thám ra thì theo điều lệ hương tục tính giá bao nhiêu trưng tuần phiên phu phải đền giá.

Nay làm biên bản.

BIÊN BẢN PHẠT BẠC.

Làng le 1923
Hương hội làng tổng huyện
làm biên bản phạt bạc như sau này:

Chiều tục lệ điều thứ 15 và 16.

Này có tên A đến tường rằng: tên B chanh nhận một sào ruộng của nó ở xứ C đã mở phiên Hội đồng gọi hai bên đến hỏi, thì một sào ruộng ấy là ruộng tổ nghiệp tên A để lại, tuy lâu ngày chúc thư không còn, nhưng tên A vẫn cày cấy nộp thuế hiện có phải lai thì ruộng ấy là của tên A thực, đã lấy nhẽ chín đúng và lòng thành thực hoá giải, nhưng tên B không nghe lại lên Toà kêu thừa đòi hương hội làm chứng, nay thừa trích lục án số . . . tên B khiêu nại không phải lẽ, sào ruộng ấy giao tên A chiều nhận cấy. Vậy thì tên B nhẽ khuất, phải chịu phí tổn cho hương hội . . . \$00 và phạt tên B 0 \$ 50 sung vào công quỹ.

Nay lập biên bản.

Phạm quý CHƯƠNG.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

NOTIONS SOMMAIRES SUR LE BUDGET

PLAN.

PARTIE PRÉLIMINAIRE

Pourquoi faut-il avoir un budget. Son utilité.

PREMIÈRE PARTIE

Quelques principes généraux.

- CHAPITRE I. Le budget est annuel.—Les dépenses doivent être égales aux recettes.—Les dépenses ne doivent pas dépasser les recettes.
- CHAPITRE II. Contexture du budget: Recettes et dépenses.
- CHAPITRE III. Préparation du budget. Son exécution. — Son exercice
- CHAPITRE IV. Divers impôts.

DEUXIÈME PARTIE

Budgèts communaux du Tonkin.

- CHAPITRE I. Recettes et dépenses.
- CHAPITRE II. Préparation.— Vote et approbation du budget.
- CHAPITRE III. Exécution et contrôle du budget.
- CHAPITRE IV. Comptabilité des budgets communaux.

ADDENDA.

Quelques conseils pratiques.

Mấy nhò'i dạy về sổ chi thu

TỔNG MÀO.

Tại làm sao phải có sổ chi thu? Có sổ chi thu được ích lợi gì?

Phần thứ nhất.

ĐIỀU LỆ CHUNG VỀ SỔ CHI THU.

- TRƯỞNG THỨ I. Sổ chi-thu làm từng năm một.—Phần thu phần chi phải cân nhau.—Phần chi không được bội phần thu.
- TRƯỞNG THỨ II. Hình thức sổ chi-thu: Phần thu và phần chi.
- TRƯỞNG THỨ III. Cách dự lập.—Cách thi hành và thời kỳ thi hành sổ chi-thu.
- TRƯỞNG THỨ IV. Các hạng thuế.

Phần thứ nhì.

SỔ CHI THU CÁC XÃ BẮC KỲ.

- TRƯỞNG THỨ I. Phần thu và phần chi.
- TRƯỞNG THỨ II. Cách dự lập.—Bản định và duyệt y sổ chi-thu hàng xã.
- TRƯỞNG THỨ III. Cách thi hành và cách kiểm soát sổ chi-thu.
- TRƯỞNG THỨ IV. Qui thức về việc tính toán sổ chi thu hàng xã.

Phụ trương.

MẤY ĐIỀU CẦN BIẾT.

TỔNG MÀO.

Tại làm sao phải có sổ chi-thu? Sổ chi-thu có ích lợi gì?

Một nước, một làng cũng như một nhà, phải có làm công nợ việc kia, nên phải có tiền để chi tiêu, vậy có chi tất phải có thu. Ví dụ: Trong một nhà phải có tiền để ăn uống, may mặc, nên phải có tiền thu vào mới được. Tiền thu vào ấy là tiền lương các nhà làm việc, tiền lãi các nhà buôn bán, tiền hoa lợi các nhà canh nông.

Trong một nước phải có tiền để cấp lương quan lại, binh lính, sửa sang đường xá để đi, mở trường học, lập nhà thương, v. v. vì thế phải thu thuế.

Trong một làng cũng vậy, phải có tiền để cấp lương lý dịch, tuần tráng, sửa sang đình chùa, chi các việc tế tự, vậy phải thu những tiền cho thuê ruộng đất công, tiền lan nhai, tiền chiết can khảo vọng để chi tiêu các việc ấy.

Nếu một nhà ăn tiêu không có chừng mực, làm ít tiêu nhiều, tất phải công nợ. Một nước một làng cũng vậy, chi tiêu xa phí, thu ít tiêu nhiều, tất sinh ra túng quẫn, công việc không chạy. Vậy một nước một làng cần phải lập sổ chi-thu.

Có lập sổ chi thu thì năm nay mới có thể định trước được sang năm sẽ thu những món tiền gì để tiêu những việc gì, và mới liệu được số tiền thu để chi cho đủ, như thế công việc dễ làm mà không đến nỗi quẩn bách.

Lập sổ chi-thu lại còn một điều ích lợi nữa là: việc chi thu tiền công mà có sổ sách biên chép phân minh, thì không những dễ việc tra cứu, mà những người chức dịch không thể nhúng làm được. Và lại nhân dân, ai cũng biết tiền mình đóng góp cho làng cho nước là thực để làm việc công ích, chứ không ai dám tư tiêu, như thế mọi người đều hã lòng đóng góp mà công việc thì hành rất dễ.

Ấy việc lập sổ chi thu cần là thế, ích lợi là thế, nên các nước văn minh nước nào cũng đặt lệ lập sổ chi thu. Như nước Đại Pháp cũng có sổ chi thu. Nhà nước sang bảo hộ nước ta cũng đặt sổ chi thu chung cho cõi Đông Pháp. Mỗi xứ lại có một sổ chi thu riêng. Hai thành phố Hanoi và Haiphong cũng có sổ chi thu cả. Nay quan Thống-Sứ cũng noi theo một chánh sách và nhất là ngài muốn trừ tệ tục của ta, tiêu một bồ ba, đàn anh ức hiếp đàn em, nên ngày 12 tháng 8 năm ngoái (1921) ngài đã ra nghị định đặt sổ chi thu cho các làng ta (Nghị định số 1950).

Sách này chúng tôi chia làm 2 phần chính :

- 1° Phần thứ nhất dạy các thể lệ chung về sổ chi thu.
 - 2° Phần thứ hai dạy về sổ chi thu các xã ở Bắc-Kỳ.
- Có một phần « Phụ Trương » dạy các điều cần biết.

Phần thứ nhất.

NHỮNG ĐIỀU LỆ CHUNG VỀ SỔ CHI THU.

TRƯỞNG THỨ NHẤT.

Sổ chi thu phải làm *từng năm một*, nghĩa là các khoản tiền thu, tiền chi, chỉ được dự định trong một năm mà thôi; vậy mỗi năm phải lập lại sổ chi thu một lần.

Sổ chi thu phải *thống nhất* nghĩa là những tiền thu và tiền chi phải dự chung vào một sổ, chứ không được làm sổ chi thu khác nữa.

Sổ chi thu phải *kiêm toàn* nghĩa là các món tiền thu tiền chi phải kê vào sổ cả, không được dùng cách dẫn dị khấu món nợ vào món kia.

Số chi và số thu phải *cân nhau* nghĩa là số chi không được nhiều hơn số thu.

Sổ chi thu phải *thi hành đúng như sổ đã dự định*, nghĩa là không được chi thu món tiền gì mà trong sổ không biên và không được chi thu quá số tiền đã định.

TRƯỞNG THỨ NHÌ.

Hình thể sổ chi thu.

Sổ chi thu có 2 phần chính : phần tiền thu và phần tiền chi. Mỗi phần chia ra nhiều *chương*, mỗi chương chia ra nhiều *khoản*, mỗi khoản chia ra nhiều *mục*.

Tiền thu và tiền chi chia làm 2 thứ :

- 1° Tiền thu thường và tiền thu bất thường.
- 2° Tiền chi thường và tiền chi bất thường.

Tiền thu thường là tiền thường có hằng năm mà dùng để tiêu công việc hằng năm, như tiền thuế đình, thuế điền, tiền cho thuê ruộng đất công, tiền thu các lệ làng v. v..

Tiền thu bất thường là tiền bất kỳ phải thu để tiêu những việc bất kỳ xảy ra, như tiền đi vay, tiền bán công sản, v. v..

Tiền chi thường là tiền dùng để tiêu những việc thường có hằng năm, như tiền cấp lương cho lý dịch, tuần tráng, tiền tiêu việc dạy học, việc tế lễ, v. v.. (1)

Tiền chi bất thường là tiền chi những việc bất kỳ xảy ra, phải lấy tiền thu bất thường mà tiêu mới đủ, như tiền đắp đê mới, làm đình chùa, v. v..

Tiền thường thu và tiền thường chi lại chia làm 2 thứ :

1° Tiền thu, tiền chi *phải-có*.

2° Tiền thu, tiền chi *tùy-ý*.

Tiền *phải-có* nghĩa là món tiền cần dùng thế nào cũng phải dự định vào sổ chi thu trước các món tiền khác, không được bỏ quên, bỏ sót.

Tiền *tùy-ý* là những món tiền không cần phải có ngay, vậy lúc dự định sổ chi thu tùy ý mình xét liệu công việc, nếu có cần phải thu, phải chi thì kê vào sổ, bằng không thì thôi, để đến sang năm cũng được. Ví dụ: làng đã có một cái trường học, nay muốn mở rộng thêm một lớp nữa, nhưng tính chưa đủ tiền mà cũng không biết thu vào món tiền gì, vậy bầy đình hoãn đến sang năm.

TRƯỜNG THỨ BA.

1° Cách dự lập sổ chi thu.

Dự lập sổ chi thu nghĩa là dự định những khoản tiền mà sang năm sẽ phải thu phải chi. Phải tính theo các khoản tiền thu vào mà dự định các khoản tiền phải tiêu cho vừa đủ. Ví dụ: tính các số thu vào ước được 1.000\$00 thì chỉ tiêu các khoản đủ số 1.000\$ mà thôi.

Nếu tính các khoản phải tiêu hơn số 1000\$ thì phải so sánh khoản nào không cần thì bớt đi cho vừa đủ số 1000\$. Nếu có những việc cần thiết không thể bớt được thế nào cũng phải tiêu đến 1500\$ mới đủ, thì lại phải liệu trừ thêm số thu vào lấy 500\$ nữa cho vừa đủ số 1.500\$00.

(1) Trong bài có nói *đình, chùa v. v.* phải hiểu là các nhà đe thờ như là nhà thờ của kẻ có đạo.

II° Cách thi hành sổ chi thu.

Thi hành sổ chi thu nghĩa là chiếu theo các khoản đã dự định ở trong sổ chi thu mà thu tiền và tiêu tiền.

Có 2 viên chức đề thi hành sổ chi thu:

1° *Người phát-lệnh* là người có quyền cho phép thu tiền và tiêu tiền. Ví dụ: ở các làng người **phát-lệnh** là chánh Hương hội.

2° *Người kế toán* là người có trách nhiệm phải dũ tiền công, phải theo phép người **phát lệnh** mà thu tiền và phát tiền. Người **kế-toán** cũng có quyền bác những khoản tiền mà người **phát-lệnh** cho thu cho tiêu không được hợp lệ. Người **kế-toán** ở các làng là thủ quỹ.

III° Thời kỳ thi hành sổ chi-thu.

Thời kỳ thi hành sổ chi-thu nghĩa là kỳ hạn để mà thu tiền và tiêu tiền theo như trong sổ đã định. Chính lệ thời kỳ thi hành sổ chi-thu là một năm từ mồng 1 tháng giêng tây đến 31 tháng chạp tây. (Thời kỳ thi hành sổ chi thu ở các làng ta cũng theo ngày tháng tây). Sổ chi-thu năm nào thi theo lịch tây mà đề niên hiệu năm ấy. Ví dụ sổ chi thu sang năm thì đề là: Sổ chi thu năm 1923 (*Exercice 1923*).

TRƯỞNG THỨ IV.

Các hạng thuế.

Ở trên bài đầu ta có nói rằng: Trong một nước phải có tiền để cấp lương quan lại, binh lính, sửa sang đường xá, đê điều v. v. và vậy cần phải thu thuế để chi tiêu các việc công ích ấy. Vậy làm dân trong nước ai cũng phải nộp thuế. Nếu kẻ nào trốn thuế thực là đáng khinh đáng bĩ không khác gì một đứa ăn cắp, ăn trộm, ký sinh ký thực vậy.

Ta là dân phải biết thuế lệ trong nước.

Thuế chia làm 2 hạng chính: 1° *Trực thuế* 直稅 là các thứ thuế chính ngạch đánh vào người, ruộng đất, đánh bao nhiêu có ghi biên vào sổ trước, rồi người dân cứ chiếu sổ đem nộp *thẳng* cho Nhà-nước, vì vậy gọi là *trực-thuế*. Ví dụ: thuế đình, thuế điền, v.

v. Nhà-nước có đặt riêng quan chức để thu các thứ thuế ấy. Ở các làng lý trưởng phải thu thuế ấy rồi nộp cho quan Kho-Bạc.

2° *Gián thuế* 間稅 là các thứ thuế ngoại ngạch, không có sổ định trước mỗi người phải đóng bao nhiêu cả, ai ăn dùng thứ gì phải chịu thứ thuế ấy, và cũng không phải nộp thẳng cho Nhà-nước. Ví dụ: thuế thuốc láo. Nhà nước không bắt ta mỗi người phải đóng mỗi năm là bao nhiêu cả, thế mà những người hút thuốc láo vẫn phải chịu thuế mà không ai có ý biết là vì nhẽ sau này:

Thuốc láo Nhà-nước lấy thuế mỗi bánh ước năm su (0\$05).

Khi người lái bán thuốc cho mình tất phải tính tiền vốn, tiền thuế và tiền lãi cộng một bánh giá bán là bao nhiêu. Những người mua thuốc phải chịu thuế là thế.

1° *Trực thuế* (thuế chính ngạch) Trực thuế hay thuế chính ngạch là những thứ thuế sau này:

- 1° Thuế đinh;
- 2° Thuế điền thổ;
- 3° Thuế môn bài;
- 4° Thuế hoành then;

A) *Thuế đinh*.—Chiều theo thượng-dự ngày 31 tháng 10 năm 1919 về việc sửa đổi thuế lệ ở Bắc-kỳ ta thì người đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi bất phân quan dân ai ai đều phải chịu thuế thân mỗi người đồng niên là 2\$50. Chỉ có những hạng người kể sau này mới được trừ thuế thân:

- 1° Lính tại ngũ; (1)
- 2° Lính trừ bị;
- 3° Người tàn tật;
- 4° Những hạng nhiều nam;
- 5° Những học sinh có ăn lương các trường Nhà nước;
- 6° Những lính mộ sang Đại-Pháp trong khi còn làm việc;

Những quan lại annam tại chức, những người làm việc các sở nhà nước, và những người có phẩm hàm, ai muốn xin thời lấy 1 thứ thẻ riêng gọi là «*Danh sắc cấp chỉ*»; người nào lấy phải dã thêm 0\$50.

B) *Thuế điền thổ*.—Thuế điền thổ thì đánh theo từng hạng một. Có 3 hạng điền và 4 hạng thổ.

() Lính tại ngũ là những lính: lính tập, lính pháo-thủ, lính kỵ-mã, lính công binh, lính thủy, lính khố xanh, lính cơ, lính tuần canh, lính lệ, lính trạm.

Thuế điền thổ có đánh thêm tiền *ngoại phụ* và tiền *dại thị độ thuế* là tiền thay thuế dò, thuế chợ.

C) *Thuế môn bài*.— Những người thương mại kỹ nghệ phải chịu thuế môn bài. Thuế này đánh nặng nhẹ tùy theo cửa hàng to nhỏ. Vậy người nào muốn mở hàng buôn bán, lập xưởng làm kỹ nghệ, phải làm giấy xin môn bài. Nếu ai ần lậu bắt được thì phải phạt.

D) *Thuế hoành then*.— Thuế hoành then là thuế các chủ có thuyền chạy sông hoặc ven bờ phải nộp. Thuế này đánh theo thước lượng thuyền. Thuyền nào lực chở được nhiều hàng phải chịu thuế nặng hơn các thuyền nhỏ.

II° *Gián thuế (thuế ngoại ngạch).*

Gián thuế hay thuế ngoại ngạch là các thứ thuế sau này:

1° *Thuế xuất cảng, nhập cảng*. Những người nào có hàng chở đi bán các ngoại quốc phải giả các thứ thuế này.

2° *Thuế muối, thuốc lá, thuốc phiện, thuế điền v.v.*

Các thứ thuế trên đây sở *Thương Chính* phải chịu trách nhiệm thu nộp cho nhà nước.

Phần thứ nhì.

SỔ CHI THU CÁC XÃ Ở BẮC KỲ.

Nay chúng ta đã hiểu vì lẽ gì phải lập sổ chi thu, lập sổ chi thu có ích lợi thế nào và đã học các thể lệ chung về sổ chi thu, vậy ta cứ tuần tự theo các điều lệ ấy mà học vào sổ chi thu các làng ta.

TRƯỞNG THỨ NHẤT.

Hình thể sổ chi thu các xã.

Sổ chi thu các xã cũng chia làm 2 phần chính; phần *tiền thu* và phần *tiền chi*.

I° Các thứ tiền thu.

Chiều theo điều thứ 5 trong đạo nghị định số 1950, các khoản tiền thu của các xã chia làm 2 thứ : một thứ gọi là *tiền thường thu*, một thứ gọi là *tiền bất thường thu*.

A. Tiền thường thu

Những tiền thường thu có 2 hạng : một hạng buộc phải thu, một hạng thì tùy ý thu hay không cũng được.

a) *Tiền thu phải-có*.— Tiền thu phải có là những tiền hương lệ và những tiền lợi tức thuộc về tài sản riêng của làng.

1° Những tiền hương lệ phần nhiều là những tiền thu về việc tế lễ như là : tiền cheo hạn đến 1 \$ 00 là cùng; tiền nộp lệ hiếu không được quá số 30 \$: tiền khao vọng phẩm hàm hay là vị thứ chia làm 4 hạng; 50 \$, 30 \$, 20 \$ và 15 \$. Tiền vọng lão không được quá 10\$.

2° Những tiền lợi tức thuộc về tài sản riêng của làng là tiền cho thuê đầm, hồ, ao, sông con, tiền cho thuê đất, ruộng công, tiền lãi phiếu quốc trái, tiền lãi, tiền gửi nhà ngân hàng.

b) *Tiền thu tùy-ý*. Tiền thu tùy ý là :

1° Thuế trâu, bò, ngựa (bò mỗi con chỉ được thu 0 \$ 20, trâu mỗi con 0 \$ 40, ngựa mỗi con 0 \$ 80.)

2° Thuế thổ trạch (nhà lá mỗi gian 0 \$ 01, nhà gỗ mỗi gian 0 \$ 03, nhà gạch mỗi gian 0 \$ 06.)

3° Tiền ngoại phụ các thứ thuế chính ngạch của Nhà-nước (thuế đinh, điền, môn bài) không được thu quá mười phân trăm, nghĩa là mỗi trăm bạc không được thu quá 10 đồng.

4° Tiền phạt các việc trái hương lệ, từ 1 \$ 00 dở xuống, mà những điều phạm ấy không thuộc về các khoản trong mục vi cảnh ở luật hình.

5° Những tiền thu bất kỳ, như tiền bán vị thứ hương ẩm, tiền ký táng, v. v.

6° Những tiền người ta cúng, di chúc cho hàng xã, nhưng phải có lệnh quan Công-Sứ chuẩn cho mới được nhận.

Những khoản tiền thu tùy ý này thì mỗi năm lúc làm sổ chi thu, hương hội phải bàn tính trước khi kê biên vào sổ, nhưng được quyền tự do hạng nào muốn kê toàn số thì kê và hạng nào nên giảm đi thì giảm, chỉ cốt số mình dự thu đúng như hạn chế mà quan Thống-Sứ đã định là được. Lại phải kê tên những người

phải đóng các thứ tiền ấy mỗi thứ là bao nhiêu, yết thị ở đình sở cho mọi người đều biết. Về khoản tiền ngoại phụ thuế điền thổ, bất cứ nội canh hay phụ canh, chủ ruộng tư hay người lĩnh canh ruộng công, ai cũng phải đóng bằng nhau cả. Không được lấy cớ gì mà miễn trừ cho ai hạng tiền nào cả. Nhất là những kẻ mua vị thứ thì chỉ được hưởng danh dự quyền lợi mà thôi, chứ không được miễn trừ thuế lệ gì cả.

B. Tiền bất thường thu.

Những tiền bất thường thu là:

- 1° Tiền của Nhà-nước trợ cấp cho hàng xã;
- 2° Tiền ngoại phụ các thứ thuế chính ngạch được thu quá số đã định, nghĩa là được thu quá bách phần chi thập.
- 3° Tiền cầm bán những tài sản riêng của làng.

Những khoản thu bất thường này thì trước khi kê vào sổ chi thu phải có quan Công-Sứ cho phép riêng mới được, mà tiền ấy chỉ được chi dùng vào những công việc bất thường, ví như việc công tác to mà hương hội đã thoả định, có quan Công-Sứ chuẩn cho. Nếu khi nào việc công tác mới phải tiêu đến ngoại số 2.000\$ thì lại phải có quan Thống-Sứ ý cho mới được làm.

Những tiền thuế lệ nào mà không mình kê trong sổ chi thu thì *nhất thiết cấm không được thu*. Ai lạm thu thì phải theo hình luật (điều thứ 72) vấn nghị và lại phải bồi thường số lạm thu ấy (điều thứ 8 trong nghị định.)

(Xem mẫu sổ dự thu số 1).

II. Các thứ tiền chi.

Những khoản chi tiêu phân ra 2 thứ: *tiền thường chi* và *tiền bất thường chi*.

A. Tiền thường chi.

Tiền thường chi chia làm 3 mục: việc công vụ; việc công ích cho hàng xã và việc tế tự.

a) *Mục thứ nhất*.—Về việc công vụ có những khoản sau này:

- 1° Tiền lộ phí cấp cho kỳ lý đi việc quan;

- 2° Tiền thuê tuần tráng và phu canh lúa;
- 3° Tiền phụ cấp cho thư ký, thủ quỹ, lý trưởng, phó lý;
- 4° Tiền giấy bút. Khoản này để chi phí tiền mua sổ cách, bút mực, sổ sinh tử giá thú v. v.;
- 5° Tiền mua vật liệu về việc công, như là đồ đạc ở đình, bàn ghế, tủ đựng giấy má ở nhà hội đồng v. v.;

b) *Mục thứ hai.* — Về việc công ích trong hàng xã có những khoản sau này:

- 1° Tu bổ thường các nhà công sở (đình, chùa);
- 2° Tiền chi về việc y tế, cứu tế như là trợ cấp cho những kẻ tàn tật, thuốc thang cho những người đau yếu, chi phí về nhà hộ sinh, nhà phát thuốc v. v.
- 3° Chi tiêu về việc vệ sinh, như là sửa giếng lấy nước ăn cho được sạch sẽ.
- 4° Chi tiêu về việc học, như là lương thầy giáo.
- 5° Tiền kiến trúc mới như là làm mới những đình chùa, đường xá v. v. Khi nào có ai quyên trợ hay bầu hậu để làng lấy tiền làm trường học, nhà thương, thì những việc chi tiêu ấy cũng biên vào khoản này.

c) *Mục thứ ba.* — Tiền chi về việc tế tự như là:

- 1° Tiền chi về việc vào đám và tế lễ chung.
- 2° Tiền giỗ các người mua hậu.
- 3° Tiền sắm sửa các đồ dùng về việc vào đám, việc tế tự và việc ma chay.

B) Tiền bất thường chi.

Các khoản tiêu bất thường thì lấy tiền thu bất thường mà chi dụng như là :

- a) Tiền chi về việc tu bổ đình chùa, đường xá và các công sở.
- b) Tiền làm đình chùa, cầu cống cùng là chi phí về việc dẫn thủy nhập điền.
- c) Tiền phát chẩn trợ cấp cho những kẻ khốn khó trong khi tai nạn.

Nhắc lại để nhớ rằng: 1° Khi nào muốn dự kê những khoản chi thu bất thường, hương hội phải làm biên bản xin phép quan Công-Sứ trước đã, ngài có cho phép mới được biên vào sổ chi thu.

2° Những khoản tiền tiêu bất thường, nếu khoản nào to phải tiêu quá số 2.000\$ thì phải có lệnh quan Thống-Sứ mới được.
(Xem mẫu sổ dự chi số 1 bis.)

TRƯỜNG THỨ II.

Cách dự lập, bàn định và duyệt y sổ chi thu.

1° *Dự lập.* — Thường năm cứ đến tháng 10 tây, chánh hương hội phải họp đồng với thư ký và lý trưởng mà làm, bàn xét xem sang năm trong làng sẽ phải tiêu những tiền gì, kê ra từng khoản, lập thành *bản thảo sổ dự chi*. Lại phải xét xem sang năm trong làng sẽ thu được tiền gì, mỗi khoản ước được bao nhiêu, lập thành *bản thảo sổ dự thu*. Nếu số tiền thu *phải-có* không đủ tiêu, thì dự thu những khoản tiền thu *tùy-ý*.

Khi nào cần phải tiêu những việc bất thường, muốn làm công tác nhón, mà tiền thường thu không đủ dùng, thì phải xin phép quan trên dự thu những tiền thu bất thường.

Khi dự kê các khoản chi thu cần nhất phải so sánh số tiền chi với số tiền thu cho bằng nhau, *không được hơn kém*. Dự kê xong rồi, thư ký phải lập thành bản thảo sổ chi thu, đem tường hương hội bàn định.

II° *Bàn định.* — Hội đồng phải bàn xét riêng từng khoản một, có quyền thêm bớt, y bác các khoản dự chi dự thu.

Khi hội đồng bàn xét việc gì thì cứ theo ý kiến nhiều người mà định và phải biên chép rõ ràng từng khoản vào trong biên bản.

Hội đồng bàn định thỏa thuận rồi, thư ký cứ chiều theo từng khoản mà kê vào sổ chi thu đã có kiểu mẫu in sẵn, có 2 bản (bản dự thu và bản dự chi); lại có in cả các khoản, chỉ việc điền tả số dự định mà thôi. Nếu khoản nào trong làng không có thì bỏ trắng. Nếu hoặc làng nào có những khoản tiền đồng nghĩa như các khoản trong kiểu mẫu sổ chi thu, thì cũng được biên thêm vào các khoản tương tự ấy. Ví dụ :

Làng Mỗ có lệ thu tiền vào làng, vào phe, lên lênh, thì được biên thêm vào khoản thứ 3 ở sổ dự thu, là khoản thu những tiền chiết can các lệ ăn uống.

Làm sổ chi thu phải nhớ làm 2 bản cả Hội đồng ký kết giao lý trưởng đệ trình quan sở tại.

III° *Duyệt y.* — Quan sở tại kiểm xét rồi đệ cả 2 bản sổ lên quan tỉnh. Quan tỉnh kiểm lại một lần, rồi đệ sang toà. Quan Công-Sứ lại kiểm xét lại một lần nữa, chỗ nào nhầm sai ngài bảo chữa. Khi nào quan Công-Sứ duyệt y rồi, thì bản sao lưu tại toà, bản chính thì phát về cho dân thi hành.

TRƯỞNG THỨ III.

Cách thi hành và kiểm soát sổ chi thu.

I° *Thi hành.* — Thời kỳ thi hành sổ chi thu các xã bắt đầu từ ngày mồng một tháng giêng tây đến ngày 31 tháng chạp tây là hết hạn (điều 1 trong nghị định). Khi hết hạn thi hành, nghĩa là đến ngày 31 tháng chạp tây, chánh Hương hội phải họp hội đồng để cộng sổ. Nếu còn dư lại công ngân thì đem biên vào sổ chi thu sang năm gọi là *tiền các năm trước còn lại* (điều 14). Nhưng chỉ nên biên số tiền thực ngân mà thôi.

Những người có trách nhiệm về việc thi hành sổ chi thu hàng xã là chánh hương hội và thủ quỹ.

Chánh hương hội là người *Phát lệnh* có quyền cho phép thu phát những khoản tiền đã dự định trong sổ, lại phải trông nom coi sóc các việc thi hành và kiểm soát tiền công của làng. Có người thư ký hương hội giúp việc biên viết sổ sách.

Thủ quỹ là người *kế toán* của làng phải chịu trách nhiệm về việc giữ tiền công quỹ. Thủ quỹ phải tuân lệnh chánh hương hội mà thu tiền phát tiền. Nếu chi thu sai suyển gì thì thủ quỹ phải bồi thường, (điều 15).

II. *Kiểm soát sổ chi thu.* — Hương hội phải kiểm soát công việc thu chi tiền công quỹ của làng. Hương hội cũng có thể cử một vài viên trong Hội đồng để trông nom về việc ấy.

Mỗi tháng chánh hương hội phải lập Hội đồng kiểm quỹ một lần, phải lập thành biên bản, nói rõ số tiền từ trước còn lại bao nhiêu, tiêu hết bao nhiêu, hiện còn trong quỹ bao nhiêu trong tháng ấy thu được bao nhiêu.

Ví dụ:

Biên bản kiểm quỹ làng Mỗ trong tháng giêng tây.		
Số tiền năm trước còn lại	450\$.00	
Các khoản tiền thu	150 . 00	+
Tổng cộng là	600\$.00	= 600,00
Các khoản tiền tiêu		360,00
Số tiền tại quỹ.		240,00

TRƯỜNG THỨ BỐN.

Qui thức về việc tính toán sổ chi thu hàng xã.

Việc tính toán sổ chi-thu các xã làm bằng chữ quốc ngữ, nhưng mà cũng có thể biên bằng chữ nôm được.

Không được thu thêm một số tiền nào hoặc phát một số tiền nào ngoài các số tiền đã biên trong sổ chi thu.

I° Việc thu tiền.

Thu số tiền nào phải chiếu theo các khoản thu nạp đã liệt kê trong *sổ thuế* hay là chiếu theo *cái phải thu nạp* của Chánh-hương-hội phát ra.

1°) *Sổ thuế*—Sổ thuế là danh sách các người phải nộp các thứ thuế là bao nhiêu (thuế trâu bò, thuế thổ trạch, tiền ngoại phụ về thuế chính ngạch). Thư ký phải sao sổ ấy yết thị cho mọi người đều biết.

Không làm riêng mỗi thứ thuế một quyển sổ, làm một quyển sổ chung các thứ thuế theo như mẫu số 2 đính đây. Làm như thế thì mỗi một người dân biết ngay được rằng mình phải nộp bao nhiêu thuế, mỗi thứ bao nhiêu.

2°) *Phải thu nạp*.—Khoản tiền nào mà lệ thường không làm thành sổ thì phải thu chiếu theo phải thu nạp của Chánh-hương-hội phát ra, phải ấy trích ở quyển sổ *phát lĩnh*. (Xem mẫu số 3 có thí dụ).

Thủ quỹ thu số tiền nào của ai thì phải giao cho người ấy một tờ biên lai trích ở sổ *Thu ngân* (xem mẫu số 4 có thí dụ). *Điều ấy là bắt buộc phải thế*. Mỗi quyển sổ biên lai giao cho thủ quỹ phải có chữ Chánh hương hội phê.

Những tiền chi lương cho tuần tráng chức dịch, dưới số 20 \$ thì Chánh hương hội được tự ý làm giấy phát ngân. Nếu quá số 20 \$ thì Chánh hương hội phải bàn vuối hội, đồng có thoả thuận mới được cho phép phát tiền (*Điều 12*)

Chánh hương hội giữ { 1e sổ phát lệnh
 { 2e sổ phát ngân

Trong các giang đề trắng ở sổ chi thu giao cho thủ quỹ, thì thủ quỹ phải ghi các số tiền *thực-thu* (1) và số tiền *thực-chi* (1). Vậy sổ chi thu làm sổ nhật ký của thủ quỹ.

Hết năm các quyền sở ấy, cùng sở thuế và sở chi thu có chủ thủ quỹ ký nhận phải đệ lên quan Công-Sứ kiểm soát và phê chữ. Song rồi giao giả làng để cất vào trong các công văn của làng.

Tuy rằng quan Công-Sứ đã phê rồi thực nhưng nếu sau làng tìm thấy được việc gì man trá hay bất hợp lệ, thì vẫn có quyền khiếu nại đến 5 năm mới thôi.

(1) Xem giải nghĩa tiếng thực-thu, thực-chi ở phần «Phụ trương»

Phu trương.

Mấy điều cần biết.

1o Phải phân biệt tiền *dự-thu*, *dự-chi* với tiền *thực-thu*, *thực chi*.

Tiền dự thu và dự chi là những số tiền mới dự định khi lập sổ chi thu.

Còn tiền *thực-thu* và *thực-chi* là những món tiền thu vào hay phát ra thực, trong khi thi hành sổ chi thu. (Xem cách biên ở mẫu số 6)

2^o Về phần tiền thu các khoản tuy có dự định, nhưng khi thực thu thường thay đổi, hoặc nhiều hơn hoặc ít hơn, thế nào cũng phải biên vào, không cần phải đúng như số dự định. Nếu được nhiều hơn là hay, ngược ít đi, thì phải liệu dảm số tiêu. Vậy khi lập sổ chi thu bao giờ về phần thu cũng phải tính non đi thì hơn.

3^o Về phần tiền chi đã dự định mỗi khoản bao nhiêu thì chỉ được tiêu bấy nhiêu thôi. Nếu muốn tiêu hơn phải xin phép quan Công-Sứ. Nếu không cần phải tiêu đến hay là chỉ tiêu ít thôi, thì khoản tiền ấy còn thừa để làm tiền lưu-hạ sang năm, chứ không phải là dự bao nhiêu thì phải tiêu cho hết. Tiêu có ích chứ tiêu nhảm thì để dành còn hơn.

4^o Trong làng có thu phát tiền gì phải vào sổ phân minh, không được gán tiền nợ vào tiền kia.

5^o Những tiền công của làng thu được bao nhiêu, bất cứ khoản gì, bỏ vào quỹ cả. Đến khi tiêu việc gì lại lấy ở quỹ ra, không phân biệt tiền thu ở khoản 1 chỉ để dùng vào khoản 1 bên sổ chi. Điều cốt nhất là chỉ cần chi tiêu làm sao cho không chội số tiền thu là được.

THƯ VIỆN QUỐC GIA
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Mẫu số 1

S Ồ D Ự T H U

Số Khoản	CÁC THỨ TIỀN THU	Số Tiền
I. - Tiền thường thu.		
A. — TIỀN THU PHẢI-CÓ.		
	<i>Tiền các năm trước còn lại</i>	
1	Tiền lợi tức, thu tiền sương túc	
2	Tiền cho thuê hồ, ao và ruộng đất công dân	
3	Tiền cheo và tiền thực các lệ ăn uống, như ăn khao, lên lão, v. v. tiền vọng ngôi thứ.	
B. — TIỀN THU TÙY-Y.		
4	Tiền thuế trâu bò	
5	Tiền thuế thổ trạch.	
6	Tiền ngoại phụ về các thuế chính ngạch.	
7	Tiền phạt	
8	Tiền ký táng	
II. - Tiền thu bất thường.		
9	Tiền Nhà nước cấp cho.	
10	Tiền cúng, tiền mua hậu.	
Tổng cộng.		

SỔ DỰ CHI

Số Khoản	KHOẢN TIỀN CHI	Số Tiền
Tiền thường chi.		
Mục thứ I. — <i>Chi tiêu về việc công vụ.</i>		
1	Tiền phí tổn cấp cho kỳ lý di việc quan.	
2	Tiền cấp cho tuần phiên.	
3	Tiền cấp cho thủ quỹ và thư ký.	
4	Tiền cấp cho lý trưởng, phó lý.	
5	Tiền mua bút giấy, giấy in và sổ biên lai.	
Mục thứ II. — <i>Chi tiêu về việc công ích</i>		
6	Tiền mua và tiền thuê chữa các đồ đạc.	
7	Tiền chi phí về việc y tế.	
8	Tiền học phí (lương thầy giáo).	
9	Tiền về kiến trúc mới.	
Mục thứ III. — <i>Chi về việc tế tự</i>		
10	Tiền tiêu vào đám và lễ lễ chung.	
11	Tiền rỗ hậu.	
12	Tiền sửa sang các đồ dùng về việc vào đám, tế tự và cỗ đón đưa ma.	
Tiền chi bất thường.		
13	Tiền chữa lại các đình chùa.	
14	Tiền làm cầu cống cùng chi phí về việc dẫn thủy nhập điền.	
15	Tiền trợ cấp cho kẻ khó và cứu tế.	
16	Tiền chi phí về việc vệ sinh.	
Tổng cộng.		

MẪU SỐ 2.

SƠ KÊ CÁC THU THUẾ CỦA LÀNG MỎ NĂM 1923.

Số thứ tự	Tên những người phải đóng thuế	Thuế các súc vật	Thuế nhà	Tiền ngoại phụ thưởng	Tiền ngoại phụ bất thưởng	Số cộng
1	Vũ Văn Bình	1 trâu... 0\$40 1 ngựa... 0, 80 cộng... 1\$20	5 gian gạch... 0\$30 5 gian lá... 0, 05 cộng... 0\$35	Đinh 3 xuất (1) 0\$75 10 mẫu ruộng(2) 1, 50 cộng... 2\$25	"	3\$80
2	Trần Văn Ất	2 bò... 0\$40 cộng... 0\$40	5 gian gỗ... 0\$15 3 gian lá... 0, 03 cộng... 0\$18	Đinh 2 xuất (1) 0\$50 5 mẫu ruộng(2) 0, 75 cộng... 1\$25	"	1\$83
3	Nguyễn Văn Giáp	1 bò... 0\$20 cộng... 0\$20	5 gian lá... 0\$05 cộng... 0\$05	Đinh 1 xuất (1) 0\$25 1 mẫu ruộng(2) 0, 15 cộng... 0\$35	"	0\$60

(1) Tiền thuế trâu bò và hổ trích hạn được thu bao nhiêu đã nói ở trên. Còn tiền ngoại phụ về thuế chính gạch (Đinh, điền) thì theo phép bách phân chi thập mà tính.

Đinh mỗi xuất 2\$50, vậy tiền ngoại phụ một xuất đinh là

$$\frac{2\$50 \times 10}{100} = 0\$25.$$

Điền có nhiều hạng, tính đồ đồng mỗi mẫu là 1\$50, vậy tiền ngoại phụ một mẫu là

$$\frac{1\$50 \times 10}{100} = 0\$15.$$

Nếu muốn cho mỗi mẫu là 2\$00, thì tiền ngoại phụ một mẫu là

$$\frac{2\$ \times 10}{100} = 0\$20.$$

Ví dụ một nhà có ba xuất đinh và ba mẫu ruộng thì đóng tiền ngoại phụ là :

$$\text{Đinh} = 0\$25 \times 3 = 0\$75$$

$$\text{Điền} = 0\$15 \times 3 = 0\$45$$

$$\text{Cộng} \dots\dots\dots 1\$20$$

$$\text{hoặc } 0\$20 \times 3 = 0\$60.$$

$$\text{hoặc } 0\$20 \times 3 = 0\$60.$$

$$\text{hoặc } \dots\dots\dots 1\$35.$$

Mẫu số 3

Sổ phát lĩnh thu tiền số.....

Làng.....huyện.....tỉnh.....
Viên thủ quỹ phải thu của tên.....
một số tiền là.....
nộp về việc.....
rồi ghi tiền ấy vào khoản.....trong sổ thu
Ngày.....tháng.....năm 192.....
Chánh hương hội

Ví dụ :

Này 15 tháng 2 năm 1923 tên Nguyễn văn Tí ở làng Phúc Am, huyện Gia Khánh đến xin nộp cho Hương hội một món tiền cheo là 5\$00 (anh ta mới cưới vợ), thì Chánh Hương hội điền tả vào sổ phát lệnh như sau này:

Sổ phát lĩnh thu tiền số 1

Làng Phúc Am, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình
Viên Thủ quỹ phải thu của tên Nguyễn văn Tí
một số tiền là 5\$00
nộp về việc *nộp cheo*
rồi ghi tiền ấy vào khoản 3 trong sổ thu.

Ngày 15 tháng 2 năm 1923

Chánh hương hội ký tên

Mẫu số 4

Sổ Thu ngân số.....

Làng.....huyện.....tỉnh.....
Biên lai nhận của tên.....
một số tiền là.....
nộp về việc.....
theo khoản.....trong sổ thu
Ngày.....tháng.....năm 192.....
Thủ quỹ

Ví dụ : Việc anh Nguyễn văn Tí đến nộp cheo đã nói ở trên, Thủ quỹ nhận được tiền phải biên vào sổ thu ngân như sau này rồi sẽ một nửa giao cho tên Tí :

Sổ Thu Ngân số 1

Làng Phúc Am, huyện Gia Khánh tỉnh Ninh Bình
Biên lai nhận của tên *Nguyễn văn Ti*
một số tiền là *5\$00*
nộp về việc *tiền cheo*
theo khoản 3 trong sổ thu.

Ngày 15 tháng 2 năm 1923

Thủ quỹ ký tên.

Mẫu số 5

Sổ Phát ngân số.....

Làng.....huyện.....tỉnh.....
Viên Thủ quỹ phát cho tên.....
một số tiền là.....
để chi về việc.....
tiền ấy trích ở khoản.....mục thứ.....trong sổ chi.
Ngày.....tháng.....năm 192.....
Người lĩnh tiền.....Chánh hương hội.....

Ví dụ: Ngày 30 tháng 2, hương hội làng Đại Phong bàn định muốn mua của tên thợ mộc Phạm văn Bản một bộ bàn ghế và một cái tủ đựng công văn đáng giá là 30\$00 cho nhà Hội đồng; Chánh hương hội phải xét trong sổ chi về khoản sắm sửa đồ đạc (*Khoản thứ 6, mục thứ 2*) xem có dự định và có còn đủ tiền không, nếu có đủ thì biên giấy phát ngân như sau này:

Sổ Phát ngân số 1.

Làng Đại Phong, huyện Gia Khánh tỉnh Ninh Bình
Viên Thủ quỹ phải phát cho tên *Phạm văn Bản*
một số tiền là *30\$00*
để chi về việc sắm *bàn ghế và tủ đựng* sổ
tiền ấy trích ở khoản 6 mục thứ 2 trong sổ chi.

Ngày 15 tháng 2 năm 1923

Người lĩnh tiền
Phạm văn Bản ký tên

Chánh Hương Hội ký tên

Mẫu số 6.

I° Cách biên sổ thực thu.

Ví dụ ở trên sổ phát lệnh (mẫu số 3) có nói: ngày dăm tháng 2 tên Nguyễn v. Tí đến nộp hương hội một món tiền cheo là 5\$ thì phải biên vào sổ thực thu như sau này:

Ngày tháng	KHOẢN THỨ 3 Tiền cheo và tiền thực các lệ ăn uống	Số tiền
15/2	Nguyễn văn Tí nộp tiền cheo	5\$00
.....		

II° Cách biên sổ thực chi.

Ví dụ ở trên sổ phát ngân (mẫu số 5) có nói: Ngày 30 tháng 2 hương hội có mua của tên Phạm v. Bản một bộ bàn ghế và tủ là 30\$00, thì biên vào sổ thực chi như sau này:

Ngày tháng	Số sổ phát ngân	KHOẢN THỨ 6 Tiền mua và thuê chữa các đồ đạc	Số tiền
30/2	1	Phát cho tên Phạm văn Bản tiền một bộ bàn ghế và một cái tủ.	30\$00
.....			

TRÁC

LƯỢC GIẢI VỀ VIỆC CÁC TOÀ NAM ÁN Ở BẮC KỲ

Các toà nam án ở Bắc-kỳ, trừ thành phố Hà Nội và Hảiphòng ra, còn thì chia ra làm ba hạng là ĐỆ-NHẤT-CẤP, ĐỆ-NHỊ-CẤP và ĐỆ-TAM-CẤP.

TOÀ ĐỆ NHẤT CẤP

Toà án Đệ-nhất-cấp là các Phủ, Huyện và Châu. Đầu toà án ấy là: Quan Phủ, Quan Huyện, hay là Quan Châu, mà các viên Lục-sự toà án ấy thời tùy quan Thống-Sứ kén dùng.

Toà án Đệ-nhất cấp thì được có quyền chung thẩm các án vi-cảnh mà không phải là án phạt giam (*chung thẩm nghĩa là có quyền được xét xử, mà không phải tư lên toà Đệ-nhị-cấp.*)

Những tội vi-cảnh, thí dụ như là để trâu bò và các súc vật nuôi khác chạy bậy bạ, hoặc chạy vào chỗ người ở và để gỗ lạt hay vật gì làm ngăn trở các đường sá đi lại, còn các điều tội khác đã chép ở trong luật hình điều thứ 227.

Phạt tội vi-cảnh là phạt giam một ngày đến 6 ngày, hay phạt bạc từ 2 hào đến 6 đồng, mà những bút lục các án phạt tiền ấy, thời được để lại ở phòng Lục-sự toà Sơ-cấp, chỉ ghi vào sổ rồi đến cuối tháng đệ trình và đệ tiền phạt ấy lên tỉnh.

Đến như các án phạt giam khi làm xong rồi tư lên Toà án Đệ-nhị cấp đợi phúc y đã, mới được thi hành, nếu nguyên bị có một bên nào xin chống án thì phải đệ hồ sơ án ấy lên toà án tỉnh xét lại.

Các quan làm đầu toà án Đệ-nhất-cấp thì có chức trách phải tìm tòi xét hỏi về các việc tội nặng, tội nhẹ thuộc về hình án, mà phát ra trong địa hạt mình, và phải tuân làm các lệnh quan trên phái ủy, xong rồi đệ bút lục ấy lên tỉnh.

Các việc dân sự và thương sự thì toà án Đệ-nhất-cấp có quyền được chung thẩm từ 30\$ đỡ xuống, như là những việc sau này: việc tiền thuê nhà cửa, và tiền đền khoản tổn hại về việc đất ruộng, không có can đến hình luật. vân vân.

Nếu một người nguyên cáo mà đưa đến hai ba lá đơn kiện một người bị cáo, trong hai ba lá đơn ấy quá 30\$ thì toà án Đệ-nhất-cấp cũng không có quyền xử đoán.

Lại trong đơn kiện, vật gì mà không kê rõ số tiền, nhưng khi xét ra mà quá số 30\$ thì cũng phải đệ ngay đơn ấy lên toà án tỉnh.

Phạm đầu đơn vào toà án sơ-cấp kiện về những việc dân sự, thương sự, thì ngoài những điều đã kể ở trên này, như việc quá 30\$ thì quan án Sơ-cấp phải tìm ngay phương pháp để thử hoà giải cho 2 bên.

Cách thức Toà án Sơ-cấp làm tờ hoà giải thì đã có mẫu phải chiếu theo điều thứ 11 về phép dân sự, thương sự tổ tụng ở trong luật hình.

Khi làm hoà giải xong thì phải làm ngay một cái giấy hoà giải đọc cho nguyên bị điều biết rồi quan Thẩm phán và nguyên bị tổng lý có mặt ở đấy điều phải ký tên, nếu nguyên bị có một bên nào không biết ký tên, thì cũng phải tự vào giấy hoà giải ấy rồi ghi vào sổ mà để ở phòng Lục-sự.

Nếu hoà giải mà không xong thì quan Thẩm phán đương đương lấy cung cả bên nguyên bên bị mà đọc rõ ràng cho cả 2 bên nghe rồi quan Thẩm phán và nguyên bị điều ký tên vào tờ cung ấy để vào trong bút lục việc án ấy, rồi đệ lên toà án tỉnh.

Khi nào toà án tỉnh có sức ủy cho quan Thẩm phán Đệ-nhất-cấp thì quan Thẩm phán ấy mới được tuân hành.

Phạm các tổng lý đem những các tờ hoà giải trình về việc dân sự, thương sự, thì quan Thẩm phán Sơ-cấp phải đem nguyên văn mà ghi vào sổ bản nha, rồi cái tờ hoà giải ấy để ở phòng Lục-sự.

Các kỳ mở phiên toà ở toà án Đệ-nhất-cấp ít ra trong một tuần lễ cũng có 2 lần, bất kỳ ngày chủ nhật hay các ngày lễ nghỉ khác, cũng có khi mở phiên toà ở tại chỗ họp chợ đông, mà sa với các nhà môn, để cho tiện dân sự đến kêu.

NÓI VỀ TOÀ ÁN ĐỆ-NHỊ-CẤP (toà án tỉnh.)

Quan Thẩm phán toà án Đệ-nhị-cấp là quan Chánh-Công-Sứ, hay là quan Phó Công-Sứ quyền biện hoặc một ông quan toà án trên Thượng-thẩm bổ về, lại có một ông quan annam hàm cao tại chức, như là quan Tổng-Đốc, quan Tuần phủ, hoặc là một ông quan annam nào bởi quan Toàn quyền xét ý kiến quan Công-Sứ bản tỉnh mà kén dùng, để sung vào chức Bồi thẩm. Lại có đặt thêm một ông

quan annam nữa là Phụ-thẩm để thay khi quan Bồi thẩm bận việc, quan Phụ thẩm ấy, như là quan Thương-tá hoặc quan Phủ Huyện sở tại cũng do nghị định Quan Thống-Sứ kén dùng.

Các tỉnh nhơn ở Trung Châu, có đặt một quan Dự thẩm tức là quan Án Sát để chuyên làm các việc dự thẩm, mà quan Dự thẩm ấy thì không có dự quyền xét án, nhưng có quyền giúp đỡ các công việc quan chánh án ủy thác.

Các viên Lục sự ở các toà án đệ nhị cấp hiện bây giờ thì do quan Thống-Sứ kén dùng đợi khi nào có thi Lục sự sẽ bổ, và bên phòng Dự thẩm cũng có đặt viên Lục sự để giúp việc quan Dự thẩm.

Phạm những người nào làm việc trong toà án bất kỳ Đệ nhất cấp hay Đệ nhị cấp đều phải có nghị quan Thống-Sứ mới được dự làm.

Toà án Đệ nhị cấp có quyền Sơ thẩm (*Sơ thẩm nghĩa là xét và lấy giấy má việc ấy*) và chung thẩm những việc số tiền từ 30\$ trở lên cho đến non 100\$ và những án vi cảnh mà toà Sơ cấp kết án phạt giam có người chống án.

Lại có quyền sơ thẩm những việc số tiền đúng 100\$ hay 100\$ trở lên, và sơ thẩm các án thuộc về trọng tội khinh tội thuộc về luật hình (*Trọng tội như là án mạng, án cướp, đốt nhà, đánh người ta trọng thương vân vân, Khinh tội như là đánh nhau thương nhẹ, ăn trộm ăn cắp vân vân.*)

Khi nào số bạc trong đơn kiện về việc bất động sản (*Bất động sản nghĩa là ruộng, đất, nhà, vườn, vân vân*) mà bên nguyên bên bị khai không đúng nhau thì sức cho quan án sở tại chỗ bất động sản ấy, chức lượng định giá.

Những đơn kiện dân sự thương sự tuy thuộc về quyền toà Đệ nhị cấp được chung thẩm những việc ấy, xét ra chưa qua toà Sơ cấp hoà giải thì quan toà Đệ nhị cấp nhận đơn rồi, phải giao lại cho toà án Sơ cấp thử làm hoà giải rồi đệ bút lục lên tỉnh.

Các phiên toà ở toà án Đệ nhị cấp thì trong một tuần lễ có 2 kỳ là một kỳ xét án hộ và một kỳ xét án hình. Khi kết án rồi mà có bên nào chống án thì phải đệ án ấy lên toà Đệ tam cấp (*tức là Thượng thẩm*) đợi phúc y mới được thi hành.

NÓI VỀ TOÀ ÁN ĐỆ TAM CẤP (*tức là Thượng thẩm*).

Toà án này có quan Chưởng lý làm đầu, và có hai ông quan annam Đại thần do Triều đình annam kén bổ.

Toà án này xét lại những án sơ thẩm của toà án Đệ nhị cấp mà có người chống án và nhận đơn của các người xin tiêu các án ở toà Đệ nhất cấp hay là toà Đệ nhị cấp đã thẩm.

Những việc xin tiêu án, như là trong án kết nghị mà không thuộc về việc người đương sự thỉnh cầu, hoặc là trong án nghị xử mà bỏ sót mất một việc gì ở trong đơn kiện của người đương sự xin xét xử vãn vãn thì được xin tiêu án (*Tiêu án* nghĩa là *xin bỏ cái án ấy đi mà làm ra án khác.*)

Lại nhận các đơn xin thẩm lại các án, những việc xin thẩm lại như là việc án mạng đã kết rồi, mà người bị chết ấy lại còn sống hiện có chứng cứ rõ ràng, và án đã xử rồi mà trong án ấy lại có một người nào làm chứng giả để hãm hại người bị can vãn vãn (*Thẩm lại* nghĩa là *để yên bút lục việc án ấy mà xét xử lại.*)

Trước toà án Đệ tam cấp này, người đương sự được phép trình bày các giấy má, và được phép thuê thầy kiện cãi giúp.

Nói về việc đầu đơn khởi kiện.

Ai có việc gì quan hệ đến mình thì mới được làm đơn đi kiện.

Trong đơn thì người nguyên cáo phải viết rõ họ tên, bao nhiêu tuổi, nghề nghiệp gì, sinh quán hoặc trú quán ở đâu, thỉnh cầu và duyên cớ thế nào, và kê rõ các hạng giấy dính theo, cùng họ tên trú quán của người bị cáo, cuối đơn người nguyên cáo phải ký tên; nếu không biết ký tên mà điểm chỉ thì phải có chữ lý trưởng nhận thực áp triện, người viết đơn hộ cũng phải ký tên và biên rõ trú quán.

Làm đơn hợp phép như trên rồi thì người nguyên cáo tự mình đem đến hoặc ủy người thay mình hoặc bỏ nhà giấy thép đệ trình quan có quyền thẩm phán.

Nếu đơn kiện nào thuộc về việc quan hệ của người chưa đến tuổi (*chưa đến tuổi là từ 17 tuổi giở xuống*) mà bỏ cô bố, thì quyền ở người trông nom hộ, nếu không có người trông nom hộ thì quyền ở người mẹ, hay là quyền ở người họ rất thân, mà đầu đơn đi kiện thay, trong cái đơn kiện ấy lại phải chưa rõ tên họ và trú quán người trưởng họ để khi gọi ra chứng kiến cho tiện.

Nếu con có việc bất đắc dĩ mà đi kiện cha mẹ, cháu kiện chú bác hay em kiện anh thì quyền ở người trưởng họ đầu đơn đứng kiện thay, như người trưởng họ bạn việc, hoặc không chịu đứng kiện thay, thời được phép làm đơn xin quan Chưởng-ly toà Thượng-thẩm Hà-nội đứng kiện thay.

Việc kiện nào mà quan Chưởng-ly đã đứng kiện thay thì không phải làm hoà giải nữa.

Các khoản lệ phí về việc kiện ấy thời chỉ đối tính với những người đứng kiện thay mà thôi.

Mỗi một việc kiện thì phải làm riêng một lá đơn; nếu không có việc gì liên hệ đến việc kiện ấy, thì không được kể thêm khoản khác nào vào nữa.

Người nguyên cáo đi kiện về việc dân sự thương sự thì lúc nào cũng có quyền được rút đơn thôi kiện.

Hai bên nguyên bị nếu có duyên cớ gì không đến hầu kiện được, thời được làm giấy ủy quyền cho người thân thuộc thay mặt, mà giấy ủy quyền ấy phải có lý trưởng, hoặc trưởng phố nhận thực mới được.

Cách đòi gọi người đương sự về dân-sự, thương-sự và hình sự.

Các người đương sự sẽ chiếu theo cái trát đòi của toà án mà người Thừa phát lại hay lý dịch kiện Thừa phát lại giao cho mình mà y ngày giờ trong trát đến hầu quan Thẩm phán.

Trong trát đòi phải viết rõ họ tên và chỗ ở người bị đòi, đòi bởi cớ gì, đòi ra toà án nào, và ngày giờ nào phải đến hầu; trát ấy phải viết năm, tháng, ngày, và có chữ ký quan Thẩm phán hoặc viên Lục-sự ký tên và đóng ấn, rồi sẽ giao cho Thừa phát lại hay lý dịch. (*Thừa phát lại nghĩa là mỗi xã đặt ra một người để vâng lệnh quan Toà án mà phát các giấy má của toà án cho người trong làng.*)

Trát đòi người nguyên cáo thì trong trát phải nói rõ ràng nếu không có cớ gì ngăn trở mà không đến hầu, thời sẽ bị phạt bạc.

Trát đòi người bị cáo cũng phải nói rõ ràng, nếu không có cớ gì ngăn trở mà không đến hầu thì sẽ phải bị xử án khuyết tịch.

Từ ngày đòi cho đến ngày xét hỏi ít ra cũng phải trong 8 ngày, còn ở xa hay ở gần, thời tùy quyền quan Thẩm phán thêm bớt

nhưng không được quá 15 ngày, còn người bị đòi đi vắng ra tỉnh khác thì trát đòi ấy tùy quyền quan Thâm phán xét định không cứ kỳ hạn, nếu có sự cần cấp thì quan Thâm phán chiều nhờ xin của 2 bên mà đòi ngay lập tức cũng được.

**Cách thức đòi người làm chứng về dân sự,
thương sự và hình sự.**

Nếu 2 bên nguyên bị có nại ra người chứng nào, hoặc quan Thâm phán có muốn đòi người chứng nào quan hệ về việc kiện ấy thì trát đòi cách thức cũng như trát đòi người nguyên cáo bị cáo, cuối trát ấy phải viết rõ ràng nếu không có cơ gì ngăn trở mà không đến hầu thì có thể bắt ép phải đến hầu và sẽ bị phạt giam từ một ngày đến 5 ngày, phạt bạc từ một đồng đến năm đồng, hay là hai thứ phạt ấy, chỉ bắt chịu một thứ mà thôi.

Nếu người chứng ấy sau đến hầu mà bày tỏ được những sự gì có ích về việc kiện ấy, thì được khỏi sự phạt ấy.

Như 2 bên nguyên bị có một bên nào hay là một hai người chứng nào ở biệt hạt thì trát đòi giao thẳng cho quan Thâm phán chỗ địa hạt người bị đòi ấy hiện ở.

Lấy cung khai những người chứng thì mỗi người phải lấy riêng ra một giấy kể rõ họ, tên, tuổi, nghề nghiệp, sinh quan chủ quan và có họ hàng gì với 2 bên nguyên bị không, và nhận trách nhiệm những lời cung khai.

Quan thẩm phán Đệ-nhi-cấp và Đệ-nhất-cấp nếu có cần tra xét hay khám nghiệm điều gì thì có thể được phát ủy hay ủy thác.

Trong giấy ủy thác thì phải kê rõ mục đích những việc gì và căn cứ về người nào.

Nói về phép chống án Dân-sự, Thương-sự và Hình-sự.

Người đương-sự được kỳ hạn trong 3 ngày tròn (1) để chống án sơ-thẩm, hạn chống án ấy tính từ ngày tuyên án.

Xin chống án thì phải trình với quan Thâm phán toà án đã xử án ấy, việc chống án phải biên vào sổ riêng ở phòng lục sự.

Trong kỳ hạn chống án và trong khi quan toà được xét cái án chống ấy thì được hoãn chưa thì hành vội.

(1) Một ngày tròn nghĩa là một ngày đúng 24 giờ.

Trong hạn chống án, mà người chống án chết thời người thừa tự được chống án thay, lại thêm hạn được 3 ngày nữa.

Từ lúc án sơ thẩm đã sử rồi phạm những việc tiền lãi thêm ra và tiền thuê nhà cửa vãn vãn, thời người đương sự được phép xin bồi thường.

Việc chống án tùy quan toà án Thượng-thẩm, định ngày xét hỏi nếu người đương sự có đến xin hoãn, thì cũng được phép hoãn một lần, nhưng không được quá hạn trong một tháng.

Còn việc chống án trong luật mới sẽ thi hành sang đầu năm 1923, thì việc hình được 10 ngày, việc hộ thi 15 ngày.

Kiện lại người vu cáo.

Muốn kiện lại người vu cho mình việc gì thời trước phải có nhời quan Thẩm phán chứng thực việc ấy là giả mạo mình được miễn tố, miễn nghị thì mới được kiện lại người ta là vu cáo cho mình.

Sự tịch ký

Sự tịch ký phải làm trước mặt người chủ nợ và người mắc nợ, nếu khi tịch ký đã chiều lệ đòi ra mà có một bên nào thiếu mặt hay hoặc cả hai bên đều thiếu mặt thì sự tịch ký ấy cũng cứ việc làm.

Đã tịch biên rồi mà 2 bên không chịu điều đình với nhau quá 30 ngày mà người chủ nợ cũng không kêu xin gì về việc tịch ký ấy thì không kể việc tịch ký ấy nữa, mà tổn phí thời người chủ nợ phải chịu.

Những các vật hạng không được tịch ký, kể như sau này:
Các đồ mặc trong mình. Các đồ làm nghề của người làm thợ.
Các đồ ăn uống của người nhà phải dùng trong một tháng. Đường, chiếu chăn, màn, đồ thờ và của dưỡng lão.

Những đồ tịch ký được, để phát mại kể như sau này:

Thuộc về động sản, như là đồ dùng, thuyền, xe, và các súc vật v. v.

Thuộc về bất động sản, như là ruộng đất ao, vườn, nhà cửa v. v.

Hữu hình sản nghĩa là của gì trông thấy rõ ràng như là tiền nong vàng bạc v. v.

Vô hình sản *nghĩa là của không trông thấy như là số tiền bạc, số ruộng đất viết ở trong văn tự và biên vào sổ sách v. v.*

Phép lập các biên bản để thi hành việc bán đồ vật động sản và bất động sản của những người thừa phát lại, đã chỉ riêng ra một quyền sách chiếu đây mà tuân theo.

Nói về giấy trích lục việc án.

Các án mà toà Đệ-tam-cấp đã duyệt y rồi, thời mỗi bản án phải làm một tờ trích lục để sức về cho cả hai bên nguyên bị đều biết. (Trích lục nghĩa là chọn những điều quan hệ đã xét sử trong án, hay là kỳ hạn định tội là mấy năm, mấy tháng mà kê ra rõ ràng).

Bên nguyên cáo muốn xin bản toàn sao án cũng được, chỉ giả tiền lệ phí một tờ trình lục mà thôi.

Nói về tổng lý phải theo lệnh các toà nam án.

Khi có trát của các toà án đòi, những người đương sự đến, đề xét hỏi hay là đề kết án, khi tổng lý nhận được trát ấy phải lập tức chuyển giao ngay cho người đương sự mà lấy chữ biên nhận. Nếu người đương sự ấy ốm hay là đi vắng thời tổng lý phải chừa vào cuối trát đòi ấy cho mình bạch và ký tên đóng triện, rồi đưa nộp lại quan toà.

Mỗi một làng nếu chưa đặt thừa phát lại thì người lý trưởng hay kỳ dịch, có chức trách chuyển đưa cái giấy má về việc án, cho những người đương sự ở trong làng.

Trước khi thi hành án thì thừa phát lại hay kỳ dịch phải bảo người bị án đoạn nhận tuân theo mệnh lệnh của các toà án đã xét sử rồi sẽ thi hành.

Khi làm án khuyết tịch rồi trong vòng một chủ nhật thì có giấy sức về làng cho tổng lý đề tìm ngay người bị án khuyết tịch ấy mà giao cái giấy sức ấy cho người ta biết, nếu người ta đi vắng thì phải đem giấy ấy ra gián tại đình để khi người ta về biết lối mà đi chống án.

Nói về cách thức tổng lý hay hương chức làm Biên bản hoà giải.

Trong làng khi có người nào kiện về dân sự thương sự thì tổng lý hay hương chức cũng có quyền được làm biên bản hoà giải đề trình toà án sơ cấp.

Cách làm biên bản hoà giải của tổng lý thì phải chiều theo mẫu ở điều thứ 351 về dân-sự thương-sự trong luật mới.

Còn về việc đánh nhau khinh thương hay là chửi mắng nhau phạm vào hình luật thì tổng lý và hương chức cũng phải làm biên bản lấy chữ ký kết rồi đệ trình lên toà Sơ cấp (khinh thương như là sây da chảy máu không đau gì mấy).

Nếu khi nào trong làng có việc đánh nhau trọng thương hay là án mạng thì tổng lý và hương chức phải bảo tồn nguyên tích làm giấy phi trình lên quan toà án sơ-cấp để chuyển bẩm lên toà án tỉnh, hoặc phái quan Thầy thuốc hay là ủy thác cho quan sở tại về khám. (Bảo tồn nguyên tích nghĩa là bắt phu canh giữ không cho dời đi chỗ khác).

Trọng thương như là gãy chân tay hoặc thương gì đau mà đến nổi thành tật.

TRẦN VĂN QUẾ.

NÓI VÌ CÓ' GÌ PHẢI ĐẶT RA LUẬT

Luật là một cái căn rất công bằng, để các quan tư pháp lấy đó làm chuẩn đích mà phán đoán; loài người nương đó làm phép công mà tuân theo. Cho nên đã có xã hội, cần phải có luật, thời trên dưới mới có trật tự, nhơn nhữ mới có quyền hạn. Nhưng một hình luật không đủ, phải có dân luật nữa mới được.

Sự cốt yếu của dân luật là gì? Là *hộ tịch* mấy *địa bạ* hộ tịch tức là căn cước của loài người, mà *địa bạ* tức là căn cước của tài sản. Nếu căn cước của người không được phân minh, thời sự giao tế không được rộng rãi; căn cước của tài sản không được chính đáng thời sự chạnh cạnh, càng ngày càng phiền. Vì các lẽ ấy nên phải đặt ra dân luật.

Nói về nguyên nhân dân luật.

Hộ tịch và địa bạ, là những điều rất quan trọng về dân luật hộ tịch là gì? là khai sinh tử giá thú. Địa bạ là gì? là đăng ký những ruộng đất.

Hiện sổ hộ tịch, nhà nước đã đặt ra từ năm 1906, tự đấy đến nay dân vẫn tuân hành, nhưng xem ra mới có hình thức chứ chưa có tinh thần là bởi tại những người giữ về việc đó, chưa có được học.

Sổ địa bạ thời bản triều từ niên hiệu Gia-Long đã đặt ra, đến nay nhiều dân hãy còn, nhưng bấy giờ chỉ bằng nhờ dân xã kê khai. Bấy giờ xem ra nhiều chỗ không đúng cho nên nay Nhà nước phải đặt ra dân luật để làm cho hộ tịch và địa bạ thực đúng phép; đã bắt đầu thi hành ở huyện Đan-Phượng, phủ Hoài-Đức, tỉnh Hà-Đông, đến mồng một tháng giêng tây sang năm là năm 1923. Lại thi hành trong huyện Gia-Khánh, phủ Yên-Khánh tỉnh này.

Nói cách thức khai sinh tử và sự ích lợi
về những việc đó.

Cách khai sinh phải biên :

- 1 Ngày và tháng, năm khai sinh.
- 2 Ngày tháng và năm đẻ.
- 3° Con trai hay là con gái.
- 4° Tên đứa bé.
- 5° Họ, tên và chỗ ở của người cha.
- 6° Họ, tên và chỗ ở của người mẹ.

Cách khai tử phải biên :

- 1° Họ, tên và chỗ ở người chết.
- 2° Người chết làm nghề gì.
- 3° Chết ngày nào.
- 4° Người chết để ở đầu, ngày nào.
- 5° Họ, tên bố mẹ người chết.
- 6° Gia đình người chết.
- 7° Họ, tên, nghề nghiệp người đứng khai.
- 8° Ngày khai.

Rồi người khai và người hộ lại ký ở dưới.

Đến như sự ích lợi về việc đó. Thí dụ: Như đẻ con mà không khai sinh thời sau sản nghiệp của người bố, người con không được giữ phần là vì người con không đúng phép—Người chết không khai tử, rồi đưa nào làm sự gì phạm tội, nó cứ tên người chết cung

sung ra thời lấy gì làm cái chứng thư đích thực mà biết rằng đũa phạm ấy cung man.

Vả lại sự sinh tử còn quan hệ đến vận mệnh trong nước nữa, như cái số sinh trong một năm nhiều hơn số tử, biết là nước thịnh; nếu số tử trong một năm nhiều hơn số sinh, biết là nước suy. Thế mà không có sổ khai sinh tử thì sao biết cho đúng được?

Nói cách khai giá thú và sự ích lợi về sổ ấy.

Cách khai giá thú phải biên :

- 1° Họ, tên, tuổi và chỗ ở người chồng
- 2° Họ, tên, tuổi và chỗ ở người vợ.
- 3° Vợ cả hay vợ lẽ, hay tiếp thứ mấy.
- 4° Họ, tên, tuổi và chỗ ở bố mẹ chồng, còn sống hay chết.
- 5° Họ, tên, tuổi và chỗ ở bố mẹ vợ còn sống hay chết.
- 6° Họ, tên, tuổi và chỗ ở người làm chứng.
- 7° Ngày cưới.
- 8° Ngày khai,

rồi cả vợ chồng, bố mẹ và người làm chứng cùng ký tên với người hộ lại ở dưới.

Còn như sự ích lợi về việc ấy. Thí dụ: Nếu người vợ khi cưới không khai giá thú thời khi người chồng mất, rồi có sản nghiệp gì, người vợ không được nhận là vì người vợ không đúng phép. Lại thí dụ: Nếu việc giá thú, theo tục lệ Annam, chỉ nộp cheo mà thôi, không vào sổ, sau xảy ra sự gì ngang chổ chắc vợ không nhận chồng, chồng không nhận vợ, thời còn biết lấy gì làm chứng thú để biết 2 người ấy đích là vợ chồng thực? Cho nên trong luật đã nói: Khi vợ chồng kiện nhau, cần phải có cái giấy chích lục trong sổ giá thú đính theo là vì thế.

Nói cách thức vào sổ địa-bạ và sự ích lợi của sổ ấy.

Cách vào sổ địa-bạ phải biên.

- 1° Số hiệu.
- 2° Tên người có của.
- 3° Ruộng hoạt đất về hàng nào.
- 4° Tên miếng đất ấy có gia trạch gì phải kể ra,
- 5° Miếng đất ấy động ước bao nhiêu.

- 6° Giới hạn giáp những đầu.
- 7° Nguyên nhân tài sản.
- 8° Có sự tranh kiện gì về tài sản ấy không.
- 9° Sự tranh kiện, quan sử ra thế nào.
- 10° Thực quyền lợi của ai.
- 11° Thay đổi chủ có của.

Biên song, rồi đóng triện của làng xuống dưới.

Khi vào sổ tạm thời như thế, phải theo thứ tự, làm đất công trước, rồi đến đất tư, làm ruộng công trước, rồi đến ruộng tư, mỗi một tờ, chỉ dùng để đăng ký một thửa đất, hoặc ruộng mà thôi. Hễ người nào xin vào sổ, tất phải có khế tự, hoặc chứng thư gì làm bằng mới được.

Sự ích lợi về sổ ấy.—Nói thí dụ: Ai có tiền mua ruộng đất, cũng muốn biết căn cước cái ruộng, đất ấy ra làm sao, chứ không những bằng ở cái đĩa chủ bán mà thôi; nay sổ địa bạ tức là căn cước ruộng, đất. Nếu người có ruộng, đất ấy mang bán, người kia muốn mua, đến xem trong sổ địa bạ, có phải thực của người bán ấy, rồi sẽ mua, mà vào sổ xin đổi chủ; như thế thì không bao giờ bị sự lừa đảo. Chứ nếu không đặt ra sổ địa bạ, thì chả khỏi những đĩa liều túng, có một miếng đất, hoặc một thửa ruộng, đem cố bán cho đến 2, 3 người.

Nói trách nhiệm những người giữ Hộ-tịch và Địa-bạ.

Những người giữ sổ sách ấy, trách nhiệm rất là hệ trọng, phải thông minh, cần mẫn và công bằng mới được. Như cách thức vào sổ sách đã nói ở trên mà có người đứng khai đã vậy; còn như gặp những lúc sau này, thời phải làm thế nào ?

1° Có người đem đứa trẻ con vất ở ngoài đường, đến trình, thời phải cứ cái cảnh chàng người đến trình ấy, nói thế nào, biên vào sổ; đứa bé ấy con lai hay con gái, đặt tên cho nó, và ước tuổi bao nhiêu.

2° Đứa không có giá thú mà đẻ, khi đẻ bố nó không nhận khai, mãi đến sau bố nó mới khai, nhận chính là con nó, thời phải biên năm, ngày, tháng và chỗ khai sinh cùng ngày đẻ, cùng nhờ khai của người cha đứa bé ấy, nếu đứa bé ấy khi trước sinh ở làng khác thời phải gửi theo các nhờ khai ấy, cho người hộ lại, ở các làng mà đã nhận khai sinh trước.

3° Hoặc có người nguyên ở làng mình, nhưng nó đi làm xa ở ngoài xứ Bắc-kỳ, nay nó đem con nó về, xin vào sổ, thời kể từ khi nó về, đúng đến 8 hôm, cũng nhận nhời khai mà vào sổ cho nó.

4° Có đưa báo người chết đường, thời phải lập tức đi đến tận nơi, xét căn cước đưa chết biên vào sổ, và phải trình quan ngay.

5° Khi đến xét những người chết ở làng mình, có tình nghi người nào chết về phi mạng, thời không được phát giấy cho chôn ngay, phải báo quan sở tại.

6° Hai vợ chồng đã có giá thú, thời không cứ lúc nào đến xin vào sổ, chỗ nguyên quán người vợ, thời phải nhận nhời xin mà vào sổ, thuộc về năm làm lễ cưới.

Đến như sổ địa bạ, trong khi những người đến khai xin đăng ký, mà không có sự tranh kiện gì, thì cứ việc vào sổ; bằng có sự gì tranh kiện, hoặc ngăn trở gì, thì để cách lại đấy, đợi lệnh toà án xét xử. Đến khi có chính lục xử hẳn là của ai, sẽ đăng ký.

Những người coi về việc đó, nếu lười biếng, hoặc không cẩn thận, sẽ phạm vào trong điều thứ 222 luật hình. Nhất là người nào cố ý hủy hoại, hoặc biến cải, hoặc bôi xóa, hay là cho người đương sự làm những sự ấy, thời phải phạm tội, trong đoạn thứ hai, điều thứ 83 luật hình.

NGUYỄN QUANG RIÊU

VỆ SINH Ở CHỖN HƯƠNG THÔN

Lắm nơi ở chốn hương thôn có nhiều ao chuôm nước tù và bùn lầy, những thôn có lũy rậm rạp, cách nhau chỉ con đường quanh co chật hẹp; mặt đường thì khắp khênh đầy những chỗ chũng, không có cống cho nước chảy, mà có cống thì chỗ cao chỗ thấp, đầy những gián bầu, là nghẽn nước lại.

Những giác bần coi thường chỗ nào cũng vất, những nhà sí làm bên mé ao mé sông, hay là gần giếng. Phân gio chổng chất nhàu, sinh ra mùi khó ngửi.

Giếng hay là ao chứa nước cho dân dùng nấu ăn, hay là uống, thì không có xây bờ, để cho chất bần chảy xuống.

Thế thì Vệ-Sinh ở chốn hương thôn không được công bổ chút nào.

I. Cách làm cho đất lành.

Ao chuôm bùn lầy chứa nước tù hãm, là chỗ để cho muỗi sinh nở ra, muỗi thì truyền nhiễm nhiều thứ bệnh, nhất là bệnh sốt rét ngã nước. Muốn trừ bớt bệnh sốt rét ngã nước, thì phải trừ bớt muỗi đi, mà muốn trừ bớt muỗi đi, thì phải làm thế nào cho trong làng bớt chỗ chũng, chứa nước tù hãm, nghĩa là phải lấp những ao chuôm. Những ao chuôm trong các làng thì nhiều lắm, không thể lấp cả được, nên phải tìm cách mà trừ bớt giống muỗi, nghĩa là: phải thả cá, phải cắt cỏ ở các bờ ao, vớt sen nhật-bản hay là giống cây rau khác, làm cho muỗi mất chỗ đẻ.

Đường đi các làng thì gồ ghề nhiều chỗ chũng, không có rãnh cho nước chảy, không được sạch sẽ. Vậy phải nên, thường dọn quét, đào rãnh, giải đá, hay là lát gạch.

II. Nước ăn trong các làng.

a) *Nước sông.* — Muốn làm cho nước sông bớt rơ bần, phải cấm dân không được vất phân giác xuống sông, không được làm nhà sí ở bờ sông, không được giặt quần áo ở sông.

b) *Nước giếng*. — Cách giữ gìn nước giếng cho khỏi rơ bẩn là : Cấm không cho đào giếng gần nghĩa-địa, phải xây thành bờ chung quanh miệng giếng, giữ đừng cho nước rơ bẩn chảy xuống giếng.

c) *Nước ao*. — Có nhiều vật chất thối, vậy nên khuyên bảo dân không nên dùng nước ao.

d) *Nước mưa*. — Là nước ăn tốt hơn cả, mà muốn có nước mưa tốt, thì đừng hứng nước mưa mới, phải để cho nước mưa rửa sạch mái nhà đi đã, đừng hứng ngay nước thoát mưa, vì mấy giọt nước mưa đầu, có bụi bặm.

Dùng các phương pháp mới nói ở trên này, thì làm cho nước bớt rơ bẩn mà thôi, muốn cho được nước sạch sẽ, thì nên đun sôi nước, trong mười lăm phút (15 minutes).

III. Sự làm cho tiêu hủy các vật chất đã dùng.

a) Rác trong nhà có một cách hủy hoại rất tiện là đốt ra gio, để dùng làm phân bón.

b) Phân gio phân súc vật thì nên đào hố chứa đựng, chuồng súc vật, thì năng quét dọn, phải làm rãnh cho nước tiểu chảy ra ngoài vườn hay là ngoài ruộng.

Theo phép vệ sinh thì chuồng tiêu phải làm ra giếng, ao, ngòi, phải lấy đất sét mà chát đáy và đắp bờ giày ít ra là 50 phân tây phải có nắp đậy kín, cho khỏi ruồi bám vào.

c) Xác súc vật nhỏ chết thì nên đốt đi, xác súc vật to thì nên đào hố mà chôn. Xác súc vật nào chết về bệnh truyền nhiễm thì nên bỏ dưới đáy hố một ít vôi bỏ xác xuống rồi vôi lên trên xác súc vật rồi mới lấp đất lại.

d) Xác người chết thì nên chôn trong 24 giờ. Nghĩa-địa thì phải chọn chỗ đất cao ráo xa nhà ở ít ra là 200 thước, giống cây hút nước.

Cách phòng bị bệnh truyền nhiễm.

Những bệnh truyền nhiễm trong xứ ta, bệnh thổ tả, bệnh lỵ, bệnh sốt, bệnh đậu, bệnh thiên thời, bệnh cúm, bệnh phong v. v. Cách phòng bị các bệnh truyền nhiễm ấy là :

a) Khi nào trong làng có người mắc phải, kỳ dịch phải đi trình ngay.

b) Kỳ dịch phải cấm không cho ai vào trong nhà người mắc bệnh.

c) Phải mua vôi mà quét trong nhà

d) Người chết bệnh chuyển nhiễm phải chôn ngay.

I. *Bệnh thổ tả*.—Người mắc bệnh thổ tả thì bắt đầu, đi ngoài nhiều lần, nôn mửa nhiều lần trông phân, và trông chất mửa, thì có hạt trắng như hạt gạo, chân tay đau đớn hình như chuột rút; khát nước, tiếng nói khàn khàn, bí tiểu tiện, da thì lạnh, chân tay tím lại.

II *Bệnh hạch*.—Bệnh hạch là một thứ bệnh thiên thời người mắc bệnh hạch thì bắt đầu sốt nặng, chỗ nách, chỗ cổ, chỗ háng, hạch nổi lên to, đỏ, giãn và giức lăm, người ốm thì mơ màng mệt nhọc lăm, mắt thì đờ ra.

Bệnh đậu.—Người mắc bệnh đậu thì sốt 3, 4 hôm, ngày thứ 4 trên mặt, trong mình, chân tay mọc vết đỏ nhón bằng hạt ngô, các vết ấy dần dần nổi lên thành ra mụn có nước, rồi nước ấy dần dần đặc như mủ, ngày thứ 9 thì các mụn vỡ ra, mủ chảy ra ngoài rồi khô, thành ra như đóng vảy.

Bệnh sởi.—Người mắc bệnh sởi thì bắt đầu sốt và sồ mũi; chảy nước mắt, ho, như thế một hai ngày, thì trong mình mọc vết hồng hồng, da người ốm trông ra như đỏ lên.

Bệnh lỵ.—Người mắc bệnh lỵ thì đau bụng, mà đau từng cơn đi ngoài luôn, có khi đi 100 lần trong một ngày, phân thì ít như mà có mũi có máu.

Bệnh phong.—Người mắc phong thì trong mình có vết hồng, hay là tím, hay là trắng. Chỗ vết ấy thì tê, kim chích vào không đau, ở mặt, vành tai, môi, thì nổi hòn lăm cho mũi dẹp đi, môi to ra, da mặt sần ra, xem như mặt sư tử, có người thì cụt chân cụt tay, ngón tay thì co lại, ống chân thì to ra, ngón chân thì cái to cái bé, có ngón thì lại rụng đi, hay ngắn đi, ở dưới bàn chân thì có vết thủng.

HENRI MARCEL

KIỂM SOÁT SỨC MẠNH SÚC VẬT VÀ VỆ SINH.

Phải trình và dam dốt con vật ốm.

Khi nào có một con vật mắc hay ngờ mắc phải bệnh truyền nhiễm thì phải:

1. Trình quan cai trị ngay.
2. Đề xa và giốt con vật ấy lại.

Nếu có một con vật chết vì bệnh truyền nhiễm thực hay là ngờ vì bệnh ấy mà chết thì cũng phải trình quan trên.

Việc trình này là việc rất quan hệ, vì có trình ngay thì mới phòng bị được.

Có trình thì quan trên mới có thì giờ thì hành các phương pháp để giữ cho chỗ mắc bệnh đỡ hại và cho bệnh khỏi lan ra. Các phương pháp ấy muốn được kiến hiệu thì phải thi hành ngay, vậy phải trình ngay. Các quan và các chức dịch phải giảng giải cho các chủ có trâu bò hiểu rằng: nếu họ giấu không trình hay là trình chậm thì thiệt hại cho họ lắm lắm. Muốn vừa được ích lợi riêng và ích lợi chung thì chi bằng lúc bệnh mới khởi biết ngay, vì biết ngay thì dễ chữa, mất ít thì giờ mà không phiền khó mấy cho các chủ.

Hễ khi chủ có súc vật hay người phải trông giữ nó biết rằng: súc vật của mình đã mắc phải bệnh dịch hay hồ nghi thì thế nào cũng phải dốt nó riêng ra, biệt hẳn những con vật ốm hay là hồ nghi không được để cho nó ở gần mấy con khác cũng một giống hay là khác giống nhưng mà có thể lây được.

Nếu muốn biệt hẳn ra thì không những là dừng để cho con vật phải đau đến gần con vật lành mà lại còn phải giữ dừng cho người hay là các con vật khác như là chó mèo gà vịt đi lại ở nơi dốt vật đau đến chỗ nuôi vật lành và cả đến những đồ đạc hay là các thức dùng cũng vậy như là đồ chải, thóc lúa, dăm cỏ, phân do v.v.

Những con vật lây bệnh tuy rằng chưa phát chứng gì ra nhưng bởi nó ở gần mấy những con có bệnh thì có thể có bệnh căn và truyền đi được vậy cũng phải dốt riêng ra không cho đi lại lẫn với các con lành của cùng một chủ hay của các chủ khác.

Nghị-định có dịch. — Khi chắc có bệnh dịch thực, thì quan Thủ-hiến (quan Thống-Sứ) xét có nên truyền cách phòng bị nào thì làm ngay nghị-định sức cho phải thi hành, cách ấy thay đổi từng nơi tùy theo chứng bệnh

Sự thiêu đốt xác các con vật ốm chết.

A) Thịt các con vật ốm chết, bất cứ bệnh gì, không được đem bán để ăn. Người chủ có con vật ốm chết ấy phải đem chôn hay là tiêu hoá đi.

B) Thịt các con vật chết vì mắc bệnh truyền nhiễm cũng cấm không được ăn.

Xác những con vật chết hay bị đánh chết vì đã mắc bệnh truyền nhiễm đều phải đốt bỏ hay là đem chôn, trước hết xác ấy phải có phủ vôi và phải chôn sâu độ một thước tây hay một thước rưỡi.

Xác những con vật chết dịch thì phải xé mổ da nó đã, rồi mới được chôn.

C) Chôn thì phải tìm chỗ đất nào xa nhà ở và các sông lạch giếng mà chung quanh có đào dậu kín súc vật không vào được.

Những hố chôn phải đào thật sâu phải có một lượt vôi để dài dưới xác con vật và một lượt dài trên lấp đất lên cao ít ra là 1 m 50.

Chỗ chôn các vật chết dịch thì không được cho trâu bò đến ăn cỏ, mà cũng không được cắt cỏ ở đấy cho trâu bò ăn. Vậy cỏ ở đấy phải hủy ngay đi và đào kín chỗ đất ấy lại.

Tẩy uế.

A) Tẩy uế chỗ ở.

1° Dùng thứ nước tẩy uế mà rửa (nước vôi, hoà 100 phần nước với 10 phần vôi) và phải bỏ hết phân do, dơ dạc, cỏ dả trước để lẫn với súc vật hay là để hơi nó xông vào.

2° Phải cạo rửa đất nhiều lần với thứ nước vôi hay nước sôi cũng được. Tường, vách, cửa, máng chậu cho ăn cũng phải tẩy rửa như thế.

B) Phải tẩy uế cả những ngòi, rãnh, cống có nước phân chảy, cùng là các hố phân và nhà để phân. Dùng nước vôi hay nước lô-bích-kê mà tẩy rửa.

C) Phải tẩy uế sân, vườn, cỏ, chợ và đường cái.

1° Các đồng phân phải dỡ ra lấy nước vôi hoà cho đều nhau.

2° Chỗ đất rộng và các đồ dùng phải rửa nước rồi lấy nước vôi tẩy lại.

3° Chỗ để phân do và các chỗ không thể rửa cọ được thì độ

nước vôi. Các đồ dùng để gánh chơ phân do cũng phải rửa cọ lau chùi và tẩy uế.

D) Tẩy uế xe. — Những xe dùng để chở các con vật mắc bệnh dịch hay hồ nghi, xương xác, phân do nó, đều phải giữ làm sao không dơ dốt ra đất một tí gì cả. Các xe ấy cũng phải lấy nước tẩy uế mà rửa.

E) Tẩy uế những xác con vật. — Trước khi đem đi chôn phải lấy nước vôi rửa những xác con vật, rửa khắp cả mình mẩy có phân và nước tiểu dính vào. Các chỗ lỗ mũi, lỗ mồm, hậu môn và các chỗ khác phải lấy để thấm nước vôi bịt lại.

F) Tẩy uế người. — Những người nào đi lại gần các con vật ốm, xác nó hay phân nó thì phải theo cách sau này mà tẩy uế :

Ngay lúc chạm dính vào nó, xác nó, phân nó ra phải rửa chân tay sát sà phòng cho sạch. Nước rửa ấy xong rồi đổ vào các hố phân.

Dịch trâu bò.

Dịch trâu bò là một thứ bệnh truyền nhiễm làm hại nhiều loài nhai lại trong nhà và trong rừng.

Chứng bệnh—Sau khi tiêm nọc rồi hay là ở gần một con vật khác ốm, thì trong dăm ba ngày đầu con vật lạnh vào hồi đương gây bệnh rồi phát nóng. Nhiệt độ nó đến đây là bình thường rồi lên ngay tới 40 độ và có thể lên hơn nữa. Đến ngày thứ sáu thì con vật chưa thấy cái gì lạ cả, rồi dăm ra đi táo trông mình nó ủ dột, ăn kém, lông sồn lên và bệch ra, rồi nó đi tả lúc đầu con ít sau nhiều lên, rồi chỉ đi ra nước, quánh lại sền sệt. Khi bệnh nặng thì đi lị, có những cục máu hay là máu tươi lẫn với phân.

Cùng một lúc với bệnh tả thì thấy nước mắt và nước mũi chảy ra, trước thì còn là nước, sau đây đặc, rồi thì là mủ. Trong mồm cũng lổm đổm lở, nốt lở nông, có màng ngoài.

Khi nào mình nó nóng kém dần đi vào độ hôm thứ mười thì chết, mà có khi chưa tới mười hôm đã chết. Thế nhưng mà cũng có khi chứng bệnh một ngày một nhẹ đi, con vật bớt rồi khỏi.

Cũng có hồi dịch trâu bò thì người ta thấy con vật mình lở ra, con lở nhiều, con lở ít.

Cách đề phòng.—Phải đi trình, dam dốt các con vật ốm, cho ăn uống một chỗ, tẩy uế chuồng ở nơi nước vôi; dốt bỏ các dơ dạ nó nằm.

Chôn những xác con vật ấy ở một chỗ đất nào xa nhà ở và phải rào tre chung quanh, phải chôn sâu độ một thước rưỡi tây hay 2 thước dãi 2 lượt vôi, lượt dưới và lượt trên.

Các người mò vào các con vật ấy hay xác nó phải rửa tay chân cho sạch sẽ.

Chung quanh địa hạt có dịch phải lập điểm cắt mỗi điểm 2 người canh giữ không cho trâu bò ra vào, như thế thì giữ được bệnh khỏi lây ra các làng bên cạnh.

Khi nào có bệnh dịch khởi ra ở hạt bên cạnh, thì hạt mình cũng phải lập điểm phòng giữ.

Bệnh dại (chó dại mèo dại).

Bệnh này là một thứ bệnh truyền nhiễm riêng những loài có vú hay mắc, cả người nữa. Nhưng chỉ có giống chó là hay bị nhất.

Chứng bệnh. Có 2 thứ bệnh dại khác nhau.

1. Bệnh thứ nhất.

Có vật dồi chừng, ủ dột, sợ hãi điên cuồng. Có con thì tìm ăn chỗ tối, nằm ở xó cũi; có con thì cào bới, chạy đi chạy lại, đình mò vơ vẩn, bắt ruồi cắn hoảng. Mắt trông không thật, ủ dột, sợ hãi. Lúc mới phải bệnh con vật vẫn ăn, nhưng hình như đau cổ không uống được nước, tuy vậy nó vẫn cố uống. Rồi sau kém ăn mà dần dần không ăn được nữa, đâm ra ăn những thứ lạ thường (chó thì ăn cỏ) mà chỉ muốn cắn.

Khi đã mắc bệnh thực rồi, thì con vật hung tợn lắm, hơi động đến hay không ai động đến cũng cắn mà gắp cái gì cắn cái nấy, cắn tiếng khác thường, dú lên nghe ồ ồ. Trong khi ấy dãi ra nhiều lắm.

Con chó đã phát dại rồi, hề trông thấy con chó khác là phát điên lên, có khi sinh ngửi ngáy cào bới dữ dội.

Sợ đau một ngày một dăm đi, mà bị đánh thì không kêu nữa.

Những cơn dại thì cách quãng cũng có lúc điên cũng có lúc không. Trong khi không điên thì chạy chốn mà nguy hiểm cho người ta và các con vật khác gặp nó. Dần dần con chó bớt điên, liệt chân sau và không được bao lâu thì chết.

2 Bệnh thứ hai.

Bệnh này con vật mắc phải không cần được. Chứng bệnh lúc mới khởi không khác gì các chứng đã nói ở trên, sau liệt mất hàm dưới, lưỡi le ra, nước dãi chảy nhiều, da mồm sạm lại mà đầy những dơ bẩn.

Trong 2 thứ bệnh đại này thời hạn phát bệnh thay đổi từ 1 hôm cho đến 8, 10 hôm; thường thường bệnh thực phát vào hôm thứ tư hay thứ năm.

Cách phòng bị. - Khi con chó nào cắn phải một người thì phải bắt đề thí nghiệm. Người nào bị chó đại cắn phải lập tức lên tỉnh đề lên Hanoi chữa thuốc.

J. M. LIEUX

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM